**Câu hỏi số 4: Trình bày những đặc trưng cơ bản về văn hóa, con người Quảng Ninh? Khẩu hiệu “Kỷ luật và Đồng tâm! Chúng ta sẽ thắng!” ra đời trong hoàn cảnh nào? Phân tích để thấy rõ truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm! Chúng ta sẽ thắng!” là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong bản sắc văn hóa người thợ Mỏ, người dân Đất Mỏ?**

**Trả lời:**

**1.Những đặc trưng cơ bản về văn hóa, con người Quảng Ninh?**

Văn hóa là “tổng thể sống động các hoạt động sáng tạo của con người đã diễn ra trong quá khứ cũng như đang diễn ra trong hiện tại. Qua bao thế kỷ, các hoạt động sáng tạo ấy đã cấu thành nên một hệ thống các giá trị, truyền thống thị hiếu thẩm mỹ và lối sống mà dựa trên đó từng dân tộc khẳng định bản sắc riêng của mình”. Đó chính là một hệ thống hữu cơ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo, tích lũy thông qua hoạt động thực tiễn. Mỗi quốc gia, dân tộc, muốn phát triển bền vững và ổn định phải xây dựng văn hoá, phát triển văn hóa và con người, gắn kết tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, ổn định chính trị xã hội trên tinh thần “tiếp thêm sức mạnh của nền văn hóa đương thời và nâng nó lên ngang tầm với sự phát triển kinh tế và sự phồn vinh của xã hội”.

Hồ Chí Minh đã từng viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá”. Theo quan niệm của Người, văn hóa chính là biểu hiện của sự hiểu biết, tài năng, trí tuệ, đạo đức, lối sống, tâm hồn, v.v.. của con người và của mỗi cộng đồng dân tộc trong mối quan hệ với xã hội và tự nhiên. Đó là cách tiếp cận không chỉ coi văn hóa đơn thuần là đời sống tinh thần của con người - xã hội mà từ trong bản chất của mình: văn hóa chính là linh hồn của một xã hội, là sức mạnh trường tồn của một dân tộc, là sức sống vươn lên của thời đại.

Coi trọng vai trò của văn hóa trong toàn bộ đời sống xã hội, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề chú ý đến; cùng phải coi trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội”; “đưa nghệ thuật vào *chính trị*. Đúng lắm. Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị” và ngược lại kinh tế, chính trị cũng phải nằm trong văn hóa. Người chỉ ra “Năm điểm lớn xây dựng nền văn hóa dân tộc”, bao gồm: 1. Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường. 2. Xây dựng luận lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng. 3. Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội. 4. Xây dựng chính trị: dân quyền. 5. Xây dựng kinh tế”. Đồng thời, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Người chỉ rõ: “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa. Vì sao không nói phát triển văn hóa và kinh tế? Tục ngữ ta có câu: Có thực mới vực được đạo; vì thế kinh tế phải đi trước. Phát triển kinh tế và văn hóa để nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ta”.

Vật chất và tinh thần là hai mặt của đời sống xã hội nói chung và đời sống mỗi con người nói riêng, nên, nếu coi kinh tế là nền tảng vật chất của xã hội, đáp ứng nhu cầu vật chất, thì văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, đáp ứng nhu cầu tinh thần của con người và xã hội. Không thể phát triển ổn định và bền vững nếu chỉ chú trọng tăng trưởng kinh tế mà bỏ quên, thậm chí hy sinh các giá trị văn hóa. Sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc là một quá trình nội sinh và có sự chuyển hóa lẫn nhau giữa phát triển kinh tế và văn hóa; trong đó văn hóa bao trùm tất cả các phương diện của hoạt động xã hội; không chỉ chi phối, tác động mà còn có khả năng quy định sự phát triển của xã hội.

Một quốc gia nếu chỉ coi tăng trưởng kinh tế là mục tiêu duy nhất thì không những môi trường xã hội bị hủy hoại, xung đột ngày càng gay gắt, sự suy thoái về đạo đức, lối sống, văn hóa ngày càng tăng mà có thể, gần nhất là mục tiêu kinh tế cũng khó đạt được. Với ý nghĩa đó, khả năng phát triển ổn định và bền vững của một dân tộc không chỉ dựa vào nền tảng vật chất mà còn cần phải dựa vào nền tảng tinh thần: “Trong mọi xã hội ngày nay, bất luận ở trình độ phát triển kinh tế nào hoặc theo xu hướng chính trị nào, văn hóa và phát triển là hai mặt gắn liền với nhau... Hễ nước nào tự đặt cho mình mục tiêu phát triển kinh tế mà tách rời môi trường văn hoá thì nhất định sẽ xảy ra những mất cân đối nghiêm trọng về cả mặt kinh tế lẫn văn hoá, và tiềm năng sáng tạo của các nước ấy sẽ bị suy yếu đi rất nhiều. Một sự phát triển chân chính đòi hỏi phải sử dụng một cách tối ưu nhân lực và vật lực của mỗi cộng đồng. Vì vậy, phân tích đến cùng, các trọng tâm, các động lực và các mục đích của phát triển phải được tìm trong văn hoá. Nhưng đó là điều cho đến nay vẫn thiếu. Từ nay trở đi văn hóa cần coi mình là một nguồn cổ suý trực tiếp cho phát triển và ngược lại phát triển cần thừa nhận văn hoá giữ một vị trí trung tâm, một vai trò điều tiết xã hội”.

Nhận định của UNESCO cho thấy, sức mạnh tự thân của văn hoá đã quy định vị trí và vai trò của văn hoá; đồng thời, nhấn mạnh vai trò quan trọng, chỉ rõ động lực của sự phát triển nằm ở chính mối tương quan giữa văn hoá và kinh tế. Tuy nhiên, quan hệ của văn hóa với phát triển không giống như mối quan hệ giữa hai sự vật riêng rẽ, dù văn hóa vẫn được coi là tồn tại một cách độc lập (tương đối). Văn hóa không chỉ do con người sáng tạo ra mà còn chi phối toàn bộ hoạt động của con người; đồng thời, cũng là hoạt động sản xuất nhằm cung cấp năng lượng tinh thần cho con người, làm cho con người ngày càng hoàn thiện. Vì thế, phát triển văn hóa là yêu cầu tất yếu, bức thiết của đời sống xã hội và là mục tiêu của sự phát triển. Văn hóa là một khía cạnh của đời sống xã hội mà phát triển thể hiện trình độ sự vận động của đời sống xã hội ấy, cho nên, văn hóa không thoát ly hoặc nằm ngoài các nhân tố khác mà thể hiện “kín đáo”, “ẩn sâu” trong mọi nhân tố của sự phát triển xã hội. Vì vậy, đểmỗi quốc gia, dân tộc phát triển ổn định và bền vững, không phải tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá mà không làm lệch chuẩn các giá trị văn hoá, quên đi yêu cầu phát triển và gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, nhất là để không phá vỡ cấu trúc xã hội, thì nhất định phải coi văn hoá là cơ sở - là nền tảng - là yếu tố quyết định sự thành bại của sự phát triển kinh tế và có vai trò quan trọng trong thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Văn hoá cần được và cần phải phát triển, bởi vai trò quan trọng của nó trong phát triển kinh tế - xã hội và giá trị của sự phát triển này đối với mỗi quốc gia, dân tộc trong hành trình phát triển. Nhiều học giả, nhiều chuyên gia đã từng nói: Phát triển kinh tế mà không phát triển văn hoá là một sự phát triển què quặt, không cân đối. Nhận thức rõ điều này, trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, cùng với sự đổi mới trong tư duy kinh tế và chính trị, Đảng ta đã có những đổi mới quan trọng trong tư duy về vai trò của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Theo đó, vai trò của văn hóa với tư cách “là bộ phận trọng yếu của cách mạng tư tưởng và văn hóa, là một động lực mạnh mẽ, đồng thời là mục tiêu lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội” đã được ghi rõ trong *Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị khoá VI*(1987); “là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội” được khẳng định trong *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 khóa VII*(1993) và năm 1998, *Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII*đã khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội... Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng văn minh, con người phát triển toàn diện. Văn hóa là kết quả của kinh tế đồng thời là động lực của sự phát triển kinh tế. Các nhân tố văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp, kỷ cương... biến thành nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của phát triển”.

Tiếp đó, Đại hội IX của Đảng khẳng định: “Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”. Đại hội X của Đảng nhấn mạnh yêu cầu: “Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội”, “bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội”; đồng thời, coi sự phát triển đồng bộ cả ba lĩnh vực trên chính là điều kiện quyết định để bảo đảm cho sự phát triển toàn diện bền vững của đất nước… Thế nhưng, trong những năm qua, bên cạnh những thời cơ và thuận lợi của xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, những hệ lụy và tác động của nền kinh tế thị trường đã khiến “văn hóa phát triển chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế”.

|  |
| --- |
|  |

Tại Đại hội XI, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng trên cơ sở tiếp tục khẳng định yêu cầu xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng đã nhấn mạnh: đó phải là một “nền văn hóa thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển”. Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã nhấn mạnh yêu cầu: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Sự khẳng định phát triển văn hóa trong các văn kiện Đại hội của Đảng, nhất là trong văn kiện Đại hội XII thể hiện rõ tư duy sâu sắc của Đảng về mối quan hệ giữa văn hoá và phát triển; về vai trò của văn hoá và đó chính là định hướng chính xác về sự phát triển văn hoá, kinh tế và chính trị ở Việt Nam theo chủ nghĩa  Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo đó, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội phải kết hợp chặt chẽ và tương xứng với phát triển kinh tế là trung tâm và xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt. Phải phát triển đồng thời cả kinh tế, văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa cùng với xây dựng một Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh “là đạo đức, là văn minh” - tạo nguồn sức mạnh nội lực vững chắc để đưa đất nước phát triển toàn diện, bền vững trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội lần đầu tiên đưa ra quan niệm nền văn hóa Việt Nam có 2 đặc trưng: tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc thay cho quan niệm nền văn hóa Việt Nam có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính Đảng và tính nhân dân được nêu ra trước đây. Cương lĩnh chủ trương xây dựng nền văn hóa mới, tạo ra đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú, đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ; khẳng định và biểu dương những gia trị chân chính, bồi dưỡng chân, thiện, mỹ theo quan điểm tiến bộ, phê phán những quan điểm thấp kém; khẳng định tiếp tục tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, làm cho thế giới quan Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chi Minh giữ vị tri chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của con người. Xác định khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu.

***Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX, X và nhiều Hội nghị Trung ương*** xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển.

***Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, VIII*** khẳng định khoa học và giáo dục đóng vai trò then chốt trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, là một động lực đưa đất nước ra khỏi nghèo nàn và lạc hậu, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới; do đó, phải xem sự nghiệp giáo dục - đào tạo cùng với khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu để phát huy nhân tố con người - động lực trực tiếp của sự phát triển xã hội.

***- Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (7/1998)*:** chỉ ra 5 quan điểm cơ bản chỉ đạo quá trình phát triển văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

***- Nghị quyết Trung ương 9 khóa IX (01/2004):*** xác định phát triển văn hóa đồng bộ với phát triển kinh tế.

***- Nghị quyết Trung ương 10 khóa IX (7/2004)*:** đặt vấn đề bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm; xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt với nhiệm vụ không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội. Đây là bước phát triển quan trọng trong nhận thức của Đảng về vị trí của văn hóa và công tác văn hóa trong quan hệ với các mặt công tác khác. Hội nghị Trung ương 10 khóa IX nhận định về sự biến đổi của văn hóa trong quá trình đổi mới: cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế làm thay đổi mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, thúc đẩy dân chủ hóa đời sống xã hội, đa dạng hóa thị hiếu và phương thức sinh hoạt văn hóa; do đó, phạm vi, vai trò của dân chủ hóa - xã hội hóa văn hóa và của cá nhân ngày càng tăng và mở rộng là những thách thức mới đối với sự lãnh đạo và quản lý công tác văn hóa của Đảng và Nhà nước.

- Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI: Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đã có chuyển biến tích cực, đạt kết quả quan trọng.

Tuy nhiên, so với những thành tựu trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành tựu trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh.

Vì vậy, Nghị quyết trung ương 9 khóa XI đã đề ra định hướng xây dựng và phát triển văn hóa, con người với:

- Mục tiêu chung: Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Quan điểm:

+ Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

+ Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

+ Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

+ Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.

+ Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

Đại hội XII của Đảng đã xác định rõ tư tưởng chỉ đạo, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa Việt Nam trong thời gian tới. Đây là định hướng hết sức quan trọng cần được quán triệt, thống nhất nhận thức về một số vấn đề chủ yếu sau:

***Một là,*** nắm vững tư tưởng chỉ đạo phát triển văn hóa. Kế thừa, phát triển quan điểm chỉ đạo, những định hướng lớn của Đảng và tình hình phát triển văn hóa Việt Nam thời gian qua, Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã nhấn mạnh: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”4. Trong tư tưởng đó, cần nhận thức rõ hai điểm quan trọng nổi bật, là: thứ nhất, xây dựng, phát triển nền văn hóa phải gắn chặt với xây dựng, phát triển con người, không tách khỏi cội nguồn dân tộc. Thứ hai, văn hóa không chỉ là nền tảng tinh thần của xã hội, mà là sức mạnh nội sinh trực tiếp để phát triển bền vững. Với vai trò là nền tảng tinh thần của xã hội, văn hóa được xác định vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Chăm lo văn hoá là chăm lo củng cố nền tảng tinh thần của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh, không quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội thì không thể có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Ngược lại, xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hoá; văn hoá phát triển là kết quả của sự phát triển kinh tế, đồng thời tạo động lực cho kinh tế ngày càng phát triển. Không những thế, văn hoá còn phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện: chính trị, kinh tế, xã hội, pháp luật, kỷ cương,… để trở thành nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của sự phát triển. Trên cơ sở nhận thức đúng, đề cao trách nhiệm trong xác định chủ trương, biện pháp xây dựng nền văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo cho văn hóa thẩm thấu trong mọi hoạt động chính trị, kinh tế của đất nước.

***Hai là,*** thống nhất nhận thức về mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam. Mục tiêu trước mắt là, gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa; làm cho văn hóa tham gia tích cực vào thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Xây dựng những giá trị văn hóa mới đi đôi với việc mở rộng giao lưu quốc tế. Nâng cao mức hưởng thụ, tham gia hoạt động, sáng tạo văn hóa của nhân dân; từng bước thu hẹp sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Tăng cường đầu tư của Nhà nước, nâng cao tỷ lệ ngân sách cho văn hóa, đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, huy động mọi nguồn lực cho phát triển văn hóa; coi đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho con người, đầu tư cho phát triển bền vững. Xây dựng và nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, chú trọng các công trình văn hóa lớn, tiêu biểu; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống các thiết chế văn hóa cơ sở, v.v. Mục tiêu lâu dài là, tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. Xây dựng môi trường, lối sống văn hóa; phát huy tinh thần tự nguyện, tự chủ, sức sáng tạo, vai trò chủ thể văn hóa của nhân dân; xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam. Đẩy mạnh công tác bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, bảo đảm tính thống nhất trong đa dạng về bản sắc văn hóa độc đáo của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Phát huy tiềm năng, khuyến khích sáng tạo văn học, nghệ thuật, sáng tác những tác phẩm văn học, nghệ thuật tiêu biểu phản ánh sức sống của nền văn hóa mới.

***Ba là,***quán triệt, thực hiện tốt nhiệm vụ, giải pháp phát triển văn hóa. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải. Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Bản sắc văn hoá dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo; giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán. Để làm được điều đó, cần quán triệt, thực hiện tốt những nhiệm vụ, giải pháp mà Đại hội XII đã nêu lên, đó là: xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, đạo đức, lối sống; xây dựng văn hóa trong chính trị, kinh tế; làm tốt công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản; phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa; chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa; đầu tư của Nhà nước cho văn hóa phải tương ứng với mức tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho phát triển văn hóa, v.v. Trên cơ sở các nhiệm vụ đó, căn cứ vào tình hình cụ thể của từng ngành, địa phương, lĩnh vực mà xác định nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp, hiệu quả; đề cao trách nhiệm trong phát triển văn hóa theo tinh thần của Đảng, đồng thời khắc phục những nhận thức không đúng về vị trí, vai trò của văn hóa, đặt văn hóa ra ngoài chính trị và kinh tế hoặc thiếu đầu tư, quan tâm phát triển, v.v.

***Bốn là,***tích cực đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái thù địch trên lĩnh vực văn hóa. Hiện nay, trước những biến động chính trị phức tạp trên thế giới, một số người dao động, hoài nghi về con đường xã hội chủ nghĩa, thậm chí phủ nhận thành quả của chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; phủ nhận lịch sử cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị văn hoá dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ,… đang gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Trong sáng tác và lý luận, phê bình văn hóa, nghệ thuật, có lúc đã nảy sinh khuynh hướng phủ nhận thành tựu văn học cách mạng và kháng chiến, đối lập văn nghệ với chính trị, nhìn xã hội với thái độ bi quan, v.v. Trong khi đó, các thế lực thù địch đang hằng ngày, hằng giờ sử dụng con bài tư tưởng, văn hóa làm đòn tấn công phủ đầu, dọn đường thực hiện các thủ đoạn khác để chống phá cách mạng nước ta. Chúng tuyên truyền, xâm nhập các loại văn hóa độc hại, lối sống cơ hội, thực dụng, ích kỷ, hẹp hòi, vô cảm vào đời sống xã hội, với mục đích hình thành lối sống tiêu cực, đi ngược lại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, v.v. Tất cả những điều đó có tác động không nhỏ đến sự phát triển nền văn hóa Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, sự đồng thuận xã hội. Bởi vậy, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng, nhất là trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, báo chí, xuất bản,… đấu tranh với quan điểm sai trái và mưu đồ đen tối của các thế lực thù địch lợi dụng văn hóa để chống Đảng và chế độ ta.

Phát triển nền văn hóa tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là mục tiêu xuyên suốt quá trình phát triển của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bởi vậy, việc quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội XII của Đảng về phát triển văn hóa là cơ sở rất quan trọng để biến mục tiêu thành hiện thực, góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng tinh thần xã hội vững mạnh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Trong bối cảnh đổi mới hội nhập toàn diện, để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, phải tích cực, chủ động hội nhập, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ với giữ vững truyền thống và bản sắc văn hoá dân tộc; coi trọng kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, củng cố quốc phòng an ninh, tăng cường quan hệ đối ngoại, đặc biệt là chú trọng phát triển văn hoá, xã hội hài hoà với phát triển kinh tế, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển. Đồng thời, phải tăng cường huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển văn hoá, xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa kế thừa, phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam vừa tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, để văn hoá thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội và “phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo…”.

Được tích hợp, phát triển cùng chiều dài lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, bản sắc nền văn hóa dân tộc Việt Nam không phải là một hằng số, bất biến mà có những giá trị mới, được hình thành, bồi tụ trong quá trình hội nhập, tiếp biến giữa các nền văn hóa. Vì vậy, để văn hóa trở thành nguồn sức mạnh nội sinh quan trọng của sự phát triển của đất nước và con người Việt Nam trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, cần chú trọng phát huy sự năng động, sáng tạo, sự đổi mới, tiếp biến và làm giàu tri thức không ngừng của mỗi con người Việt Nam; huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc, để phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa, nhằm tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần ngày càng cao, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của mỗi người cũng như của toàn xã hội.

Theo đó, chủ trương, chính sách và môi trường để đất nước phát triển bền vững đúng đắn nhất chính là làm cho các yếu tố cấu thành văn hóa thấm sâu vào tất cả các lĩnh vực sáng tạo của con người, làm cho hàm lượng trí tuệ, văn hóa trong các lĩnh vực của đời sống con người phát huy đến mức cao nhất, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Để không chỉ khai thác mà còn phát huy nguồn sức mạnh nội lực của các yếu tố cấu thành văn hóa trong mỗi con người, mỗi cộng đồng dân tộc và của cả quốc gia như: lòng yêu nước, đạo lý truyền thống, tinh thần tự lực, tự cường, ý chí vươn lên tiếp cận tri thức khoa học- kỹ thuật, giá trị chân- thiện- mỹ,v.v.. thì mỗi địa phương, cộng đồng, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải là một môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần giáo dục, rèn luyện con người Việt Nam về nhân cách và lối sống. Đồng thời, chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể, coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế, coi con người thực sự là trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, để văn hóa phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của các nhân tố khách quan và chủ quan, của điều kiện bên trong và bên ngoài, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội luôn hài hòa và cân đối.

Trên tinh thần đó, không chỉ nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, ban, ngành chức năng về văn hóa, phát triển văn hóa và con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước mà còn phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi nguồn lực để xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và con người Việt Nam; gắn nhiệm vụ xây dựng văn hoá với xây dựng kinh tế và xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh. Xây dựng môi trường văn hoá, phát triển văn học - nghệ thuật, bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá, hợp tác quốc tế về văn hoá... đồng bộ với sự phát triển nhanh, bền vững của kinh tế - xã hội. Tiếp tục tăng cường các nguồn lực và phương tiện cho hoạt động văn hoá, bảo đảm phát triển văn hoá đồng bộ với tăng trưởng kinh tế, hình thành nền tảng tinh thần vững chắc cho xã hội. Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc. Đồng thời, gắn thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”* và phong trào “*Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hoá*” với “xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Trong thời kỳ mới, xây dựng và phát triển văn hóa phải góp phần làm cho mỗi người không chỉ nhận thức được quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình mà còn phải thực thi trách nhiệm đó một cách tốt nhất trong mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. Việc chú trọng phát triển văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với chính trị và kinh tế; phải “thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế”; coi trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước mà một trong những nội dung quan trọng chính là đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Cụ thể, văn hóa, đạo đức và lối sống lành mạnh phải được thể hiện trước hết trong mọi tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể, trong cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, trong từng đảng viên, hội viên, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị; đồng thời, phải làm cho văn hóa góp phần “ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên”, bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước.

Cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được Đảng bộ tỉnh và các cấp ủy đảng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ trên tất cả các mặt và đã đạt những kết quả quan trọng, trong đó có lĩnh vực chính trị, tư tưởng, lý luận nổi bật là:

*Thứ nhất,* quán triệt nghiêm túc và sâu sắc Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011),  các nghị quyết của Đảng; tích cực đổi mới việc học tập, quán triệt nghị quyết thông qua hình thức hội nghị trực tuyến từ Trung ương tới tỉnh, cấp huyện và cấp xã với 239 điểm cầu (tiết kiệm thời gian, kinh phí, tăng hiệu quả); chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác giáo dục lý luận chính trị; phát huy vai trò của trường đào tạo Nguyễn Văn Cừ và các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện trong việc củng cố, tăng cường niềm tin khoa học vào chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; bồi dưỡng cập nhật kiến thức thường xuyên và kịp thời cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

*Thứ hai,* đổi mới tư duy, tăng cường nhận thức theo hướng bám sát thực tiễn, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan; tiên phong đi đầu trong công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, vận dụng và phát triển lý luận của Đảng để xây dựng đề án, quy hoạch chiến lược.

*Thứ ba,* chú trọng đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng từ tỉnh đến cơ sở; quyết tâm, quyết liệt và triển khai có hiệu quả Đề án 25 vượt mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; ban hành Nghị quyết 19-NQ/TU, xây dựng Chương trình hành động số 21 thực hiện Nghị quyết số 18, 19 Trung ương Đảng khóa XII với những giải pháp đồng bộ, toàn diện. Mạnh dạn sáng tạo thực hiện thí điểm những mô hình mới chưa có tiền lệ trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; chỉ đạo xây dựng các đề án về công tác tư tưởng, văn hoá, trên cơ sở đó ban hành Nghị quyết 10-NQ/Tu ngày 18/12/2017 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về một số giải pháp đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng trong tình hình mới; Nghị quyết 11-NQ/TU, ngày 09/3/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

*Thứ tư,* chất lượng, hiệu quả tuyên truyền và tính chiến đấu, tính thuyết phục trong công tác tư tưởng được nâng lên; công tác nắm bắt, định hướng thông tin báo chí, dư luận nhân dân, mạng xã hội có nhiều đổi mới; tiên phong đi đầu trong xây dựng đề án và quyết định thành lập Trung tâm Truyền thông tỉnh trực thuộc Tỉnh uỷ - mô hình thí điểm đầu tiên của cả nước.

*Thứ năm,*triển khai nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; đề cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu gắn với kiểm soát quyền lực, các giải pháp mang tính phòng ngừa; xây dựng 02 quy định với cơ chế giám sát về phẩm chất đạo đức, lối sống; không suy thoái, ''tự diễn biến'', ''tự chuyển hóa''; phòng chống tham nhũng, suy thoái theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, ... qua đó, góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị; chấn chỉnh tác phong, lối sống, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

Quảng Ninh được biết đến không chỉ là một vùng công nghiệp than lớn nhất Việt Nam, mà còn bởi những di sản thiên nhiên, văn hoá quý báu, do thiên nhiên ban tặng và con người sáng tạo. Chính vì thế, giới thiệu về Quảng Ninh trên trang web chính thức, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch khẳng định*: “Quảng Ninh là một trong những tỉnh có kho di sản văn hoá lớn nhất, phong phú, đa dạng nhất”*... Nhiều nhà nghiên cứu đã thống nhất xác định văn hóa Quảng Ninh được hình thành và kết hợp bởi nhiều yếu tố như: văn hóa biển đảo, văn hóa công nhân mỏ và sự hội tụ, giao thoa giữa nền văn minh sông Hồng với văn hóa vùng Đông Bắc.

**- Văn hóa biển đảo:**Tỉnh Quảng Ninh có đường bờ biển dài trên 250km, không gian biển rộng lớn với hơn 2.000 hòn đảo, là môi trường để hình thành nền văn hóa biển đảo đặc sắc, đa dạng. Đây là điều kiện “vốn quý” đã và đang được giữ gìn, phát huy giá trị, góp phần quan trọng vào thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển KT-XH trong tình hình mới.

Văn hóa biển Quảng Ninh mang đậm yếu tố nội đồng: Với tính chất địa lý đặc biệt và sự phong phú về thành phần cư dân dẫn đến sự phong phú về nghề nghiệp. Vì vậy, Quảng Ninh từ lâu đã diễn ra quá trình hội tụ và hỗn dung văn hóa giữa cư dân nông nghiệp, cư dân ngư nghiệp và cư dân lâm nghiệp. Là đầu mối giao thông đường biển, từ khá sớm Quảng Ninh đã là nơi buôn bán, trao đổi hàng hóa sầm uất của cả nước từ Vân ĐỒn, Cửa Ông tới Hải Phòng mà dấu ấn là thương cảng Vân Đồn. Quá trình đô thị hóa hình thành dần, nhất là thời cận đại với các trung tâm công nghiệp khai mỏ...đã tạo cho Quảng Ninh sắc thái đa dạng, có độ mở lớn để tiếp nhận những giao lưu, ảnh hưởng văn hóa từ bên ngoài.

Tục rước nước cầu mưa của cư dân nông nghiệp vẫn được tái hiện với lớp văn hóa mới trong các lễ hội ven biển như: lễ hội đình Giang Võng, lễ hội đình Trà Cổ,lễ hội đình Cẩm Hải, lễ hội đền Bà Men, đền Bụt Đày, lễ cầu Đảo vũ(Yên Hưng). câu thành ngữ quen thuộc của người nông dân “nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống” đã minh chứng tầm quan trọng của yếu tố nước trong sản xuất nông nghiệp. Lễ rước nước hình thành như một hành động thiêng liêng biểu trưng cho lòng mong ước mưa thuận gió hòa, được thực hiện hết sức thiêng liêng.

Đối với cư dân ngư nghiệp các vị thần biển có vai trò to lớn trong đời sống của họ, nhưng vốn gốc gác là cư dân nông nghiệp , lại quai đê lấn biển để làm nông nghiệp, nên thần nông vẫn có vị trí quan trọng đối với họ.

Văn hóa biển đảo là văn hóa gắn liền với người dân Quảng Ninh từ xa xưa... Toàn tỉnh người dân đều biết những lễ hội về biển, người dân hình thành những tín ngưỡng thờ cúng thần linh, các thế lực siêu nhiên để tìm sự bảo trợ về đời sống lao động. Các hoạt động tín ngưỡng của người dân vùng biển, đảo tỉnh Quảng Ninh còn là cách thức để nhân dân bày tỏ lòng tri ân với các anh hùng của địa phương, của dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử.

Hội đình làng biển nơi địa đầu Tổ quốc: Tháng 7/2021, khi tình hình dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát, hội đình Trà Cổ (phường Trà Cổ, TP Móng Cái) được tiếp tục tổ chức. Đây là một trong những lễ hội mang đậm bản sắc văn hóa vùng biển Đông Bắc, người dân địa phương vẫn duy trì hằng năm để tưởng nhớ công ơn của các vị Thành Hoàng, các bậc tiền nhân đã có công khai khẩn đất hoang, mở làng.

Tương truyền từ gần 600 năm trước, những ngư dân từ vùng Đồ Sơn (thuộc TP Hải Phòng ngày nay) thường đưa cả gia đình đi đánh cá ở các vùng biển xa. Trong 1 lần bão tố, sóng lớn, một đoàn ngư dân gồm 12 gia đình đã dạt vào vùng bờ biển hoang vu không bóng người, chỉ toàn sú vẹt, lau sậy um tùm. Đó chính là những người đặt nền móng đầu tiên cho làng biển Trà Cổ, nơi địa đầu Tổ quốc.

Lời dặn “Người Trà Cổ - Tổ Đồ Sơn” đến nay vẫn được các thế hệ cư dân Trà Cổ lưu truyền để nhắc nhở con cháu về nguồn cội, thêm tự hào về ông cha từ thời xưa đã vươn khơi, bám biển và thực hiện những chuyến hải trình để chinh phục những miền đất mới. Niềm tự hào ấy còn được gìn giữ qua công trình đình Trà Cổ gần 600 năm tuổi, vừa lưu giữ văn hóa độc đáo của cư dân biển qua biết bao thăng trầm, biến động lịch sử, vừa như một cột mốc chủ quyền vững vàng của Tổ quốc.

Đình Trà Cổ chính là nguyên mẫu để nhạc sĩ Nguyễn Cường sáng tác ca khúc "Mái đình làng biển" được đông đảo công chúng yêu thích. Trong đó có nhắc đến hình ảnh "Những thăng trầm thời gian/ Đã ghi tạc hình dáng/ Nét chạm trổ Phượng Long/ Uốn lượn tựa mây sóng". Trong khuôn viên đình, lễ hội làng được tổ chức vào ngày 1/6 âm lịch hằng năm với những nghi thức, tập quán đậm đà dấu ấn văn hóa biển được gìn giữ gần như nguyên vẹn đến ngày nay. Từ năm 2019, lễ hội đình Trà Cổ đã được Bộ VH-TT&DL công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia.

Lễ hội đình Trà Cổ năm 2021 vẫn được duy trì theo đúng truyền thống. Người dân làng vẫn có 12 "Ông Voi" là những chú lợn được chăm sóc cẩn thận từ nhiều tháng trước, chờ đến ngày hội thì kính cẩn rước vào sân đình làm lễ chầu thần. Lễ vật còn có các loại tôm, cá, cua, ghẹ... là những sản vật tươi ngon nhất mà dân làng tự đánh bắt từ biển để dâng lên các vị Thành Hoàng, cầu mong được che chở, phù hộ.

Điểm nhấn trong hội đình Trà Cổ phải kể tới nghi thức rước kiệu nghênh thần. Trong khung cảnh tưng bừng của đoàn rước kiệu với múa rồng, có đội quân cầm vũ khí, cờ thần, phường bát âm, bát bảo, cờ hội đủ màu... còn là tiếng nói cười rôm rả, hòa với từng nhịp sóng biển vỗ rì rào. Kiệu được rước đi dọc theo bãi biển, đến miếu Ðôi thờ Quận He rồi nghênh thần hồi cung. Các gia đình cũng tranh thủ bày biện mâm lễ trước cửa nhà, kính cẩn chắp tay theo đoàn rước để gửi gắm nguyện ước sóng yên biển lặng, có được các chuyến vươn khơi thuận lợi, an lành trở về cùng với tôm cá trĩu lưới, đầy khoang.

Cùng với các nghi thức quan trọng của phần lễ, phần hội đình cũng được ví như sân khấu thu nhỏ, là nơi tái hiện những nếp sinh hoạt đặc trưng của nếp sinh hoạt của dân biển đảo. Như lễ tống đăng với hình ảnh cây đèn thần được giữ lửa từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc lễ hội, tượng trưng cho ánh sáng soi đường giúp ngư dân ngày đêm vượt sóng, vượt gió. Các trò chơi như kéo co, đua thuyền... là cách tái hiện lại nếp sinh hoạt truyền thống, cổ vũ phong trào rèn luyện sức khỏe, sự dẻo dai của ngư dân Trà Cổ để sống hài hòa với biển khơi.

**Vốn quý chắt chiu qua nhiều thế hệ**

Không chỉ riêng tại Trà Cổ, nhìn chung các vùng giáp biển và trên các đảo của Quảng Ninh đều có những lễ hội về biển. Tại đây, các thế hệ ngư dân đã hình thành tín ngưỡng thờ cúng thần linh, các thế lực siêu nhiên để tìm sự bảo trợ trong đời sống, lao động. Nổi bật như các lễ hội Tiên Công (đảo Hà Nam, TX Quảng Yên), lễ hội Quan Lạn (xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn), lễ hội Đình - Nghè Cẩm Hải (xã Cẩm Hải, TP Cẩm Phả), lễ hội đình làng My Sơn (huyện Hải Hà)... Đặc biệt, Quảng Ninh có 6 di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia, thì 4 lễ hội trong số đó đều gắn liền với biển và không gian văn hóa biển đảo

Các hoạt động tín ngưỡng của cư dân vùng biển, đảo Quảng Ninh còn là cách thức để nhân dân bày tỏ lòng tri ân với các anh hùng của địa phương, của dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử. Như tại Cụm di tích đình, miếu, nghè, chùa Quan Lạn (huyện Vân Đồn) hiện là nơi thờ phụng 3 vị tướng tài của triều Trần là Phạm Công Chính, Phạm Thuần Dụng và Phạm Quý Công, đã anh dũng hy sinh trong trận chiến trên biển với quân đội phương Bắc xâm lược năm 1288. Còn đền Cửa Ông (TP Cẩm Phả), đền Cặp Tiên (huyện Vân Đồn) thì gắn liền với danh tướng Trần Quốc Tảng và các chiến công của quân, dân nhà Trần để bảo vệ vùng biển Bái Tử Long - Hạ Long, giúp nhân dân yên tâm lao động, sinh sống...

Văn hóa biển đảo của Quảng Ninh còn là tập hợp các phong tục, tập quán, lối sống, kho tàng tri thức dân gian, thực hành tín ngưỡng... được hình thành từ nhu cầu phải thích ứng với điều kiện thiên nhiên đặc thù, khai thác nguồn lợi từ biển khơi, tham gia giữ vững chủ quyền biển đảo. Cụ thể như các sinh hoạt văn hóa cộng đồng để gia tăng tinh thần gắn kết cộng đồng, sẵn sàng hỗ trợ, hợp tác cùng nhau để bám biển hiệu quả, bảo vệ ngư trường. Nét văn hóa ấy vẫn được lưu truyền đến ngày nay thông qua những bài ca dao, điệu hát dân ca bình dị nhưng độc đáo, mang bản sắc riêng, như hát nhà tơ - hát múa cửa đình ở Vạn Ninh (TP Móng Cái), hát giao duyên của ngư dân trên vịnh Hạ Long, hát đúm ở Hà Nam (TX Quảng Yên), hò biển ở huyện Vân Đồn...

Văn hóa biển còn tồn tại trong những kinh nghiệm, sáng tạo của con người trong quá trình lao động, sinh sống hòa hợp với thiên nhiên, điển hình là những sáng tạo trong công việc đóng tàu thuyền, đan lưới, chế biến hải sản, làm nước mắm, làm muối... Như ở phường Nam Hòa (TX Quảng Yên) hiện nay, các gia đình ông Nguyễn Anh Sáu, Nguyễn Văn Võ, Nguyễn Văn Thinh... vẫn tiếp tục làm ra những sản phẩm lờ, đăng, đó, nơm, mô hình thuyền nan mỹ nghệ để bán cho các nhà hàng, khách sạn làm đồ trang trí.

Làng nghề đan ngư cụ truyền thống Hưng Học (TX Quảng Yên) cũng được xây dựng thành điểm du lịch, tham quan trải nghiệm hút khách. Nhờ đó, nghề truyền thống làm ngư cụ được hình thành từ giữa thế kỷ XV, mang đặc trưng sông nước của vùng đảo Hà Nam vẫn đang được lưu giữ. Còn tại làng nghề Phú Hải (thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà), gia đình ông Phạm Văn Hoàng lưu giữ cách làm “thuyền vỏ dưa” truyền thống của địa phương cũng thông qua việc làm mô hình thuyền lưu niệm...

Bám sát những chủ trương, chính sách chung của Đảng, Nhà nước, thời gian qua tỉnh Quảng Ninh đã có nhiều nỗ lực trong việc bảo tồn, phát huy vốn quý văn hóa biển đảo; trong đó có công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch bền vững, tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo. Qua đó nhằm góp phần gìn giữ văn hóa, bản sắc trong xu thế hội nhập quốc tế đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

Điển hình như vịnh Hạ Long đã 2 lần được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên thế giới, không chỉ thu hút du khách bởi cảnh quan thiên nhiên ban tặng, mà còn có sức hấp dẫn mạnh mẽ từ văn hóa của cộng đồng dân cư địa phương. Nhiều du khách đánh giá rất cao các hành trình du lịch kết hợp khám phá, trải nghiệm cuộc sống của ngư dân tại làng chài Cửa Vạn với các hoạt động đánh bắt, nuôi trồng hải sản, sinh hoạt ngay giữa biển...

Bên bờ vịnh Hạ Long, công trình Bảo tàng Quảng Ninh qua các năm luôn là thiết chế văn hóa lớn, thu hút đông đảo người dân, du khách bằng kho tàng tri thức quý về lịch sử, văn hóa của tỉnh. Trong đó bao gồm phần diện tích không nhỏ được dành cho việc giới thiệu về đời sống lịch sử, văn hóa biển đảo giàu bản sắc của Quảng Ninh.

Những hoạt động bảo tồn, phục dựng và lưu giữ di sản văn hóa gắn với khai thác các loại hình du lịch (lịch sử, tâm linh, sinh thái, trải nghiệm văn hóa cộng đồng...) đều đang từng bước được phát huy. Các sản phẩm du lịch đặc thù từ văn hóa như: Một ngày làm ngư dân trên biển vịnh Hạ Long; khám phá đảo Quan Lạn (Vân Đồn); hành trình biển đảo quê hương ở Cô Tô; trải nghiệm làng chài ven biển; các lễ hội truyền thống tại Trà Cổ, Vạn Ninh (TP Móng Cái)... đều rất được yêu thích, hoàn toàn là lợi thế khi hướng đến thị trường cao cấp, chất lượng cao.

Trong năm 2021, UBND tỉnh đã phê duyệt đề cương nhiệm vụ xây dựng hồ sơ khoa học đề nghị Chính phủ xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt đối với Quần thể di tích lịch sử Thương cảng Vân Đồn. Cụ thể gồm các công việc: Khảo sát di tích, sưu tầm tài liệu, tổ chức thăm dò khảo cổ, lấy ý kiến hội đồng thẩm định và hội đồng xét duyệt được thực hiện đến hết tháng 4/2022, với tổng kinh phí trên 4,5 tỷ đồng... Sở VH&TT đã tham mưu, xây dựng đề án “Quản lý và tổ chức lễ hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”...

Sau gần 4 năm thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TU (ngày 9/3/2018) của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, công tác bảo tồn, phát huy giá trị nền văn hóa đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ. Điển hình như trong việc huy động sự tham gia của cộng đồng cư dân biển, đảo trong quá trình quản lý văn hóa.

Các lễ hội, sự kiện được phục dựng, tổ chức đều có vai trò của cộng đồng dân cư trong quá trình tham gia bàn bạc, lên kế hoạch ngay từ ban đầu để bảo đảm tính chân thực của lễ hội, sự kiện. Người dân cũng là chủ thể được hưởng lợi từ lễ hội, sự kiện văn hóa, thông qua việc củng cố và phát huy hình ảnh địa phương, phát triển dịch vụ du lịch... Qua đó, tài nguyên văn hóa được khai thác đúng hướng, hiệu quả, vừa góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH, vừa tiếp tục quảng bá rộng rãi hình ảnh đẹp, đặc sắc về con người và vùng đất Quảng Ninh.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV nhiệm kỳ 2020-2025 xác định “Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp khoảng cách giàu nghèo” là một trong 3 khâu đột phá chiến lược. Như vậy, với việc nhận thức rõ tầm quan trọng của văn hóa trong mọi lĩnh vực của đời sống, tỉnh sẽ tiếp tục dành thêm nguồn lực đầu tư bảo tồn, trùng tu, tôn tạo và phát huy các di tích lịch sử, văn hóa trọng điểm trên địa bàn; đẩy mạnh công tác sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến các giá trị văn hóa đậm đà bản sắc của các dân tộc trở thành các sản phẩm du lịch đặc sắc. Đặc biệt là chú trọng nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân về giá trị văn hóa biển đảo Quảng Ninh, về trách nhiệm và tình yêu biển, đảo, chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải của Tổ quốc.

**- Văn hóa công nhân mỏ:**Là một tỉnh có tiềm năng khai thác khoáng sản về than, các mỏ than được xây dựng lên, vì thế lực lượng lao động chủ yếu ở nơi đây là công nhân mỏ than. Từ đó văn hóa công nhân mỏ được hình thành. Thế hệ thợ mỏ đã tạo nên nhiều giá trị văn hóa vật thể cho vùng mỏ như di tích miếu mỏ địa điểm khai thác đầu tiên, đền Bà Chúa Kẽm, tượng đài Ngô Huy Tăng,… Những người công nhân mỏ đã chung sống hài hòa, tạo nên sự giao thoa đặc biệt về văn hóa.

Văn hóa công nhân mỏ cùng với văn hóa biển và văn hóa đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Ninh là những yếu tố nội sinh, cấu thành nền văn hóa Quảng Ninh thống nhất trong sự đa dạng, phong phú. Trong đó, văn hóa công nhân mỏ là nét đặc sắc riêng có và hấp dẫn ở vùng than – biển thân yêu.

Văn hóa của thợ mỏ nói riêng và Vùng mỏ nói chung có nhiều nét đặc biệt. Đó là sự đa dạng, phong phú, nhiều sắc màu. Sự phong phú, đa dạng của văn hóa Vùng mỏ có được là do có sự giao thoa kỳ diệu giữa nhiều vùng văn hóa với nhau. Quảng Ninh là vùng đất tụ hội dân cư nhiều nơi về sinh sống, làm ăn từ thời kỳ Pháp thuộc cho đến tận ngày nay. Trong đó chủ yếu là các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, từ Nghệ An, Hà Tĩnh ra các tỉnh phía Bắc.

Ngày nay còn có nhiều người đến từ các tỉnh miền núi phía Bắc. Qua thời gian được học tập, làm việc, tôi luyện qua môi trường công tác có tính kỷ luật cao, có trình độ kỹ thuật hiện đại, đã từng bước trở thành những công nhân lành nghề, sản xuất hiệu quả, làm giàu cho bản thân và xã hội.

Với đội ngũ công nhân lớn mạnh lên đến hàng chục vạn người, các thế hệ thợ mỏ đã nối tiếp nhau lao động, lập nghiệp trên Vùng mỏ. Nhiều nơi lập thành những làng mỏ, những khu tập thể công nhân đông đúc. Thợ mỏ đến từ nhiều tỉnh, thành khác nhau cùng với những người dân gốc tại Quảng Ninh đã cùng chung sống hài hòa, tạo nên sự giao thoa đặc biệt về văn hóa.

Nói đến truyền thống văn hóa công nhân mỏ, có thể khẳng định giá trị cốt lõi nhất, làm nên đặc trưng của ngành Than là tinh thần kỷ luật và đồng tâm. Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, giá trị văn hóa ấy của những người thợ mỏ đã góp phần tô điểm, làm sinh động văn hóa giai cấp công nhân Việt Nam. Đây là tài sản tinh thần vô giá - văn hóa phi vật thể, nhưng đã có sức mạnh to lớn làm nên lịch sử và tầm vóc của giai cấp công nhân mỏ cũng như cả Vùng mỏ anh hùng.

“Kỷ luật” là những quy định xử sự chung của một cộng đồng hoặc một tổ chức xã hội, yêu cầu mọi người phải tuân theo, nhằm tạo ra sự thống nhất hành động để đạt chất lượng hiệu quả cao. “Đồng tâm” là những người cùng chí hướng, cùng có chung sự quyết tâm đạt được một mục tiêu.

Khẩu hiệu “Kỷ luật và Đồng tâm chúng ta nhất định thắng”, ngay từ cuộc đình công tháng 11/1936 như là một mệnh lệnh, cương lĩnh của thợ mỏ, đã đi vào lịch sử truyền thống như một sự sáng tạo độc đáo, chỉ xuất hiện duy nhất, có một không hai trong lịch sử đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam.

Đó là sự biểu hiện tập trung, đầy đủ nhất về bản chất cách mạng, bản lĩnh đấu tranh đặc sắc về phương thức, phương pháp tập hợp lực lượng tạo nên sức mạnh to lớn, mạnh mẽ của đội ngũ thợ mỏ. Tinh thần “Kỷ luật và đồng tâm" được người thợ mỏ thể hiện trong nhiều khía cạnh của cuộc sống, sản xuất như: Trong đấu tranh cách mạng giành độc lập và chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước; trong lao động sản xuất; trong hoạt động xã hội; trong phong trào văn hóa, thể thao.

Truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” đã cùng với giai cấp công nhân mỏ, với nhân dân tỉnh Quảng Ninh đi suốt chiều dài lịch sử từ phong trào đấu tranh cách mạng giành độc lập rồi đến công cuộc đổi mới xây dựng đất nước. Truyền thống đó đã trở thành sức mạnh vật chất làm nên những thắng lợi vẻ vang của tỉnh Quảng Ninh.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược lần thứ hai, truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” một lần nữa được khơi dậy, phát huy để có đóng góp tích cực vào nhiệm vụ bảo vệ nhà máy, hầm lò, xí nghiệp, bảo vệ quê hương, đất nước. Đặc biệt, cuộc đấu tranh bền bỉ và anh dũng chống thực dân Pháp của quân và dân Quảng Ninh để giải phóng khu mỏ ngày 25/4/1955.

Có thể thấy, sức mạnh truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” trở thành phương châm hành động thời chiến vừa sản xuất, vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu đã giành được thắng lợi ở hầu hết các công trường, xưởng máy, hầm lò, tầng than. Hàng nghìn công nhân thợ mỏ đã có mặt nơi tuyến đầu tham gia chiến đấu và phục vụ sản xuất. Công nhân ngành Than, nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ để khai thác hàng triệu tấn than làm giàu cho Tổ quốc.

Trong phong trào văn hoá, thể thao của thợ mỏ cũng có những nét văn hóa rất riêng. Ngay cả những danh hiệu như “Nghệ sĩ Vùng mỏ”, “Thợ mỏ vẻ vang”, "Người thợ mỏ - người chiến sĩ"... cũng rất đặc biệt mà chẳng nơi nào, ngành nào có được. Tóm lại, sự hội tụ của nhiều vùng văn hóa khác nhau trên Vùng mỏ đã thực sự mang lại những nét văn hóa đặc sắc của thợ mỏ, văn hóa ngành Than, một yếu tố căn cốt để hình thành văn hóa Quảng Ninh đa dạng trong thống nhất.

Văn hóa công nhân vùng mỏ qua những công trình xưa: Cẩm Phả là một điển hình trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng với truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” của công nhân vùng mỏ. Sau những giai đoạn thăng trầm của lịch sử, cùng với sự bào mòn của thời gian và những tác động không nhỏ của con người, Cẩm Phả với khá nhiều công trình kiến trúc cũ giờ chỉ còn trong ký ức người già hay trong những tập ảnh tư liệu. Những giá trị tinh thần mà các địa chỉ này để lại cho các thế hệ người Cẩm Phả luôn là kho báu vô giá. Để mỗi khi nhớ về rất nhiều người đều bồi hồi hoài niệm in đậm trong ký ức của người Cẩm Phả xưa. Văn hóa của Vùng mỏ nói chung và Cẩm Phả nói riêng có nhiều nét đặc biệt. Đó là sự hội tụ dân cư nhiều nơi về làm ăn sinh sống, làm phu mỏ từ thời kỳ Pháp thuộc cho đến tận ngày nay. Trong đó chủ yếu là từ các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng cùng với những người dân gốc tại Quảng Ninh đã cùng nhau chung sống hài hòa, tạo nên sự đa dạng về văn hóa rất phong phú đến từ nhiều vùng miền được thể hiện rõ nhất qua các Lễ hội; Các loại hình nghệ thuật đường phố; Liên hoan tiếng hát khu dân cư hoặc các kỳ Đại hội thể dục thể thao của thành phố trở thành nét đặc trưng của văn hóa vùng mỏ rất riêng.

Những chuyến xe về miền ký ức ...

Đầu tiên là Bến xe công nhân là nơi tập kết xe ca đưa công nhân lên khai trường sản xuất. Địa điểm đặt bến xe bắt đầu lần lượt từ các bến (Cửa Ông, Cầu hai mươi, Cọc 7, Cao Sơn, Cọc ba, Độc Lập, Dốc 52, Dốc ba tầng, Địa Chất, Bảng tin km5, km7...) trong số các bến xe trên thì “Bến xe ba tầng” là bến được xây dựng khang trang và có hệ thống nhất. Gọi là “Bến Ba tầng” vì ở vị trí gần các lô nhà tập thể ba tầng nên mọi người quen gọi như thế cũng giống như tên gọi “Dốc ba tầng”.

Xe chở công nhân lên mỏ ngày đó là những chiếc xe gấu thùng được hoán cải (còn có tên gọi khác là xe trâu). Người lái và phụ xe ngồi cabin phía trên còn thùng xe chở công nhân ở phía sau. Trên "thùng" không có ghế, chỉ duy nhất hai ống sắt hàn ngang thùng vừa là đảm bảo kết cấu chắc chắn vừa là để đứng bám, cứ ai có vé (hay còn gọi là tích kê) thì lên xe... đứng thoải mái, ở hai cửa lên xuống lúc nào cũng thường trực dòng chữ "cấm bám nhảy", khi đủ người trên thùng thì phụ xe đóng chốt cửa là khởi hành, ai muốn xuống không đúng bến thì thò tay đập đập vào thùng xe kêu bác tài đỗ. Mái che được đan bằng tre nứa rải thêm lớp nhựa đường, giấy ni nông và giấy dầu cho khỏi dột. Mùa hè thì khá nóng, trời mưa mỗi người phải chuẩn bị sẵn mảnh áo mưa (miếng nilon cắt độ 2m2 lên người và xoay theo chiều gió) còn mùa đông thì rét cắt da cắt thịt, bác nào lên trước thì chui vào giữa thùng xe đứng cho ấm..

Những bác tài chạy “xe trâu” đều là người có bề dày kinh nghiệm về kỹ thuật và rất khỏe bởi xe to, công nghệ hạn chế nên hay hỏng vặt, vận hành rất vất vả. Ngoài việc chở công nhân đi làm trên công trường những chiếc xe này còn dùng nhiều việc khác như vào dịp cuối tuần là cho xe đưa công nhân đi xem bóng đá tại sân vận động Hòn Gai, thậm chí dùng để đưa đón công nhân về quê ăn tết hàng năm, chở người dân đi lại, học sinh đi nhờ... Chiếc xe như “người bạn thân” của người dân Cẩm Phả.

**Bia hơi và thợ mỏ**: Trong một lần cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng xuống thăm mỏ than Quảng Ninh, cảm thông với công nhân mỏ phải làm việc cực nhọc trong điều kiện quá nóng nực, vất vả, ngoài việc quan tâm đến đời sống sinh hoạt trong lao động sản xuất của thợ mỏ, Thủ tướng ân cần hỏi anh em công nhân:

- "Các cô chú có nguyện vọng gì không?"

- "Thưa Thủ tướng, chúng tôi chỉ có nguyện vọng là được uống bia hơi ạ!".

Ngày ấy bia hơi còn là một mặt hàng đắt đỏ và hiếm, chỉ thủ đô mới có. Sau lần ấy, Thủ tướng đã chỉ thị cho Nhà máy Bia Hà Nội phải sản xuất bia hơi phục vụ cho công nhân vùng than. (Đó chính là nền móng cho sự ra đời và phát triển của bia hơi Hà Nội ngày nay). Hai tháng sau, nhà máy Bia Hà Nội đã chế tạo ra thùng chứa xi - téc loại 10.000 lít bia để trên xe tải chở bia xuống vùng mỏ phục vụ cho anh em công nhân và được anh em công nhân vùng than đón nhận với niềm vui sướng, tự hào.

Hồi đó, mỗi lần xe bia về khu văn phòng các mỏ thực sự là ngày hội. Các gia đình thợ mỏ, các anh các chú công nhân tập thể khi nhận được thông báo đi mua bia hơi toàn đem siêu (ấm) nước, nồi nhôm, thau men, phích nước, can nhựa để đựng..., mỗi cá nhân chỉ được mua giới hạn vài lít chứ không được mua nhiều, khi xếp hàng mua xong thì rót ra cái bát ăn cơm để uống (cốc vại thủy tinh mãi sau này mới có). Các bà bán hàng nước ở gần các điểm này cũng rất nhanh nhạy bán thêm mồi như bánh đa, lạc rang, mực khô. Khi nướng mực cũng không có cồn như bây giờ mà chủ yếu là dùng cái thau men bị tróc men cho than củi vào rồi dùng quạt tay để nướng. Người mua bia tay cầm xèng (hay còn gọi là cà vẹc) trượt theo đường dây thép, phụ tá cầm xô hoặc chậu để đong và hứng. Cứ chiều thứ bảy hoặc sáng chủ nhật mới có, không khí thật tưng bừng phấn khởi. Thế mới biết, công nhân vùng than sau những ngày lao động vất vả nhưng nguyện vọng của họ cũng thật giản dị, chỉ một vại bia thôi đã là mơ ước rồi! Ngày ấy đi học về, mỗi khi có bia hơi, bố luôn phần sẵn một ca tráng men pha thêm đường mát lạnh cho anh em tôi uống một hơi say mèm ngủ đến giờ ăn cơm luôn...

**Rạp chiếu bóng Công nhân Cẩm Phả xưa...**Trải qua hơn một nửa thế kỷ thăng trầm của thời cuộc, Rạp chiếu bóng Công nhân Cẩm Phả nay là Nhà văn hóa công nhân giờ đây đã thay đổi nhiều, khang trang và hiện đại hơn xưa. Vào những năm 60, nó là một trong số rất ít những công trình văn hóa đẹp nhất, lúc nào cũng đông vui náo nhiệt nhất ở Cẩm Phả, đã từng là sự kiêu hãnh của một lớp người khi  kể về thị xã vùng Than. Khi ấy rạp có thể sánh với các rạp chiếu phim nổi tiếng ở thủ đô Hà Nội như: rạp Đại Nam, rạp Tháng Tám, rạp Kim Đồng... Theo những người dân sống lâu năm ở đây thì cho biết thêm: "thời Pháp thuộc, khi chưa xây dựng rạp thì khu đất này là “bãi bia” tức là khu vực tập bắn của binh lính Pháp". Còn những người trước đây thuộc “Ban kiến thiết xây dựng cơ bản” là đơn vị trực tiếp thi công kể lại: “Rạp được xây dựng khởi công vào năm 1960 đến năm 1962 thì cắt băng khánh thành và đưa vào sử dụng. Có thông tin khá thú vị cho rằng: “đó là khi chính quyền thị xã Cẩm Phả đặt vấn đề với ngành than về việc phối hợp xây một rạp chiếu phim cho người dân vùng mỏ, lúc bấy giờ Phó Giám đốc Công ty Than Cẩm Phả là đồng chí Nguyễn Tất Dần (tức Bẩy Dần) muốn thị xã ghi thêm hai chữ “CÔNG NHÂN” vào tên của rạp cho dù công nhân đi xem phim vẫn phải mua vé bình thường. Thoả thuận ấy vẫn còn lưu lại đến ngày nay. Điều đó hết sức có ý nghĩa thật đáng trân trọng”.

Về kiến trúc thì bốn xung quanh bề mặt tường của rạp được vẩy vữa kiểu tổ ong để cách âm bên ngoài và thẩm âm bên trong, trên trần là những tấm vải lớn rất dày theo phong cách cổ điển giống như trong các rạp hát ngày xưa ở Châu Âu . Nhiều lần đang xem phim thì mất điện, rạp tối om, nóng bức, khán giả ồn ào nói chuyện, thậm chí cả huýt sáo, la ó...Người coi rạp phải mở cửa cho thoáng. Và Ồooo... đó là âm thanh vang rạp lúc có điện trở lại, một trong những kỷ niệm rất vui của rất nhiều người đã từng xem phim ở đây (ấy vậy mà không ai bỏ về mới hay chứ). Có khá nhiều cụ đã từng là rạp trưởng như cụ Sáu, cụ Trinh, cụ Thính, người thuyết minh nổi tiếng là ông Toàn. Gắn liền với đó là tên tuổi của các họa sỹ chuyên vẽ những tấm bích họa cho phim rất sinh động treo ở hai bên cửa rạp, một tấm vẽ quảng cáo phim đang chiếu, một tấm vẽ lịch phim chiếu trong tháng. Đây là nơi được người dân rất nhiều thế hệ yêu mến, đón đợi đầy háo hức. Hàng năm cứ vào những dịp 19-5, 19-8 và Quốc khánh 2-9 là người dân vùng mỏ háo hức đón chờ những bộ phim cách mạng được trình chiếu ở nơi này qua các bộ phim chủ yếu do Liên Xô và các nước XHCN khác cung cấp như: “Đàn sếu bay qua; Sông Đông êm đềm; Bài ca người lính; Trên từng cây số” và phim của Việt Nam với các bộ phim kinh điển như: “Chung một dòng sông; Vĩ tuyến 17 ngày và đêm; Chị Tư Hậu, Sao tháng Tám; Cánh đồng hoang; Ván bài lật ngửa, Mối tình đầu; Hà Nội mùa chim làm tổ; Bao giờ cho đến Tháng mười..”. Rạp được nhận Huân chương kháng chiến hạng Ba năm 1967.

Những năm 80 các nhà trường cấp 2 của thị xã thường cho học sinh đi xem phim tập thể, buổi sáng cho học sinh khối chiều, buổi chiều cho học sinh khối sáng, vé đồng loạt 2 hào/ 01 học sinh bởi ngày ấy tivi chưa có nhiều, đến cuối những năm 80 đầu những năm 90 rạp bắt đầu giảm dần lượng khách, vì lúc này các ấn phẩm băng phim của Đài Loan, Hồng Kông, Ấn Độ.. cùng với việc nhiều nhà sắm tivi, đầu câm... Những năm về sau này rạp xuống cấp, tuy được cải tạo sửa chữa khá nhiều lần nhưng vẻ đẹp và tên gọi quen thuộc "Rạp Công Nhân" ngày nay vẫn gợi lên nhiều ký ức, cho người ta những cảm xúc khó tả…Công trình một thời là biểu tượng văn hóa, là kỷ niệm ngọt ngào và là điểm hẹn chắp cánh cho nhiều ước mơ...

**Bách hóa tổng hợp xưa...**Xuyên suốt trong chặng đường phát triển của thành phố Cẩm Phả. Bách hóa tổng hợp gợi lên biết bao ký ức xưa khó phai nhòa trong tâm trí những người dân phố mỏ, về một thời kỳ mà niềm vui không thể đong đếm bằng vật chất mà là những giá trị tinh thần vô giá còn mãi với thời gian.

Bách hoá tổng hợp thời bao cấp là một dãy nhà hai tầng được xây tương đối hiện đại vào thời điểm bấy giờ. Nền lát gạch bông, cầu thang có tay vịn chắc chắn. Các quầy hàng được bố trí riêng thành từng khu mà bên ngoài cửa ra vào ghi rõ (BACH HOA VAI SOI – Bách hóa vải sợi) và (KIM KHI HOA CHAT – Kim khí hóa chất)

Ở khu “bách hóa vải sợi” chủ yếu là các quầy bán vải, quần áo trẻ em, người lớn, giày dép, mũ, bảo hộ lao động được gấp xếp hình rất đẹp mắt. Nhiều nhất vẫn là các loại vải được xếp thành từng chồng rực rỡ màu sắc đủ loại từ vài giềm bâu, phin nõn, sa tanh, tuyết nhung, lụa…Còn “khu kim khí hóa chất” thì phong phú hơn từ các loại phụ tùng xe đạp đến tivi, đài radio cassette, xà phòng thơm, xà phòng bột, xà phòng kem, văn phòng phẩm, bút máy, bát đũa, ấm chén, phích nước, thiết bị điện như ổ cắm, phích cắm, cùng các vật dụng trong gia đình như các loại chủ yếu là đồ nhôm như ấm đun nước, nồi, mâm, chậu giặt thôi thì đủ cả. Ngoài ra không thể kể đến khu quầy thực phẩm, đặc biệt nhộn nhịp đông vui vào những dịp cận tết từ các loại gạo nếp tẻ, đỗ xanh, chè Thái Nguyên đóng gói, thuốc lá, rượu màu, thịt lợn, cá hộp…Còn một khu trong Bách hóa cũng rất đặc biệt nữa đó là quầy hàng trưng bày với một tấm biển ghi rõ “hàng mẫu không bán” gồm các mặt hàng quý hiếm, đắt tiền…Cho đến tận bây giờ rất nhiều người vẫn không quên được cảm giác đươc hít hà cái mùi rất riêng của bên trong bách hóa, nó có mùi thơm của các loại xà phòng, vải, từ mùi cao su của những chiếc lốp xe…rất khó quên.

Bách hóa thường mở cửa từ 7h30 sáng cho đến 21h00’ hàng ngày, mậu dịch viên thì bố trí làm 3 ca. Vào những dịp cuối tháng 12 dương lịch, nhất là ngày 31/12 thì Bách hóa đóng cửa muộn hơn đến tận 23h00’ để phục vụ bán phân phối hết tem phiếu vải cho nhân dân. Những ai là công nhân mỏ thì có tem phiếu vải là 5m, còn lại mức chung là 4m. Những ngày này thường rất đông, phải xếp hàng và đôi khi chen lấn rất vất vả mới đến lượt. Sau khi mua được hàng thì sang bên kia đường nơi có “của hàng ăn uống số 1” cũng lại phải xếp hàng để mua được que kem đậu xanh mậu dịch giá hai xu thật ngọt ngào và khó quên.

Trong tương lai gần, thành phố mỏ sẽ tiếp tục có thêm nhiều hơn nữa các công trình được triển khai. Cụ thể là trước tết nguyên đán Nhâm Dần 2022 (ở ngay đối diện Bách hóa tổng hợp) Tập đoàn TKV sẽ khánh thành công trình nâng cấp, mở rộng quảng trường 12-11 mang tầm vóc hiện đại hơn để phục vụ các sự kiện lớn và là nơi vui chơi, tham quan của người dân vùng mỏ. Đây là một trong những bước tạo đà để xây dựng Cẩm Phả là đô thị công nghiệp, dịch vụ theo hướng đồng bộ, hiện đại, giàu đẹp, văn minh; phấn đấu đến năm 2025 phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị thành phố cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại I và trở thành thành phố công nghiệp dịch vụ “xanh” đô thị loại I vào năm 2030.

**- Văn hóa Quảng Ninh là nơi hội tụ, giao thoa của nền văn minh Sông Hồng với văn hóa vùng Đông Bắc:**

**Văn hóa Quảng Ninh là sự kết hợp hài hòa giữa những tinh hoa văn hóa truyền thống được chắt lọc từ nhiều vùng miền trong cả nước và văn hóa hiện đại ra đời trong cuộc sống công nghiệp, kết hợp bởi nhiều yếu tố, như văn hóa biển đảo, văn hóa công nhân mỏ và sự hội tụ, giao thoa giữa nền văn minh sông Hồng với văn hóa vùng Đông Bắc... Với đánh giá này của những nhà nghiên cứu, quản lý về văn hóa cho thấy, nguồn tài nguyên văn hóa giàu có của Quảng Ninh đã được hội tụ, tích lũy và chọn lọc lâu dài để tạo ra những giá trị riêng có.**

Trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, Quảng Ninh có vị trí, vai trò quan trọng đặc biệt. Theo các dữ liệu khảo cổ, Vịnh Hạ Long là một trong những cái nôi của người Việt cổ với 3 nền văn hóa tiền sử kế tiếp nhau, cách ngày nay từ 18.000-3.500 năm, là văn hóa Soi Nhụ, văn hóa Cái Bèo và văn hóa Hạ Long. Thương cảng Vân Đồn ra đời cùng với trang Vân Đồn vào năm 1149 (thời vua Lý Anh Tông). Khi ấy, thuyền buôn của 3 nước Trảo Oa, Lộ Lạc và Xiêm La đã xin cư trú buôn bán và lập trang ở đây để buôn bán. Đây là thương cảng đầu tiên của người Việt ở thời kỳ độc lập tự chủ.

Đông Triều được xem là khởi nguồn của vương triều nhà Trần. Vùng đất Quảng Ninh đã chứng kiến chiến thắng lịch sử của tướng Trần Khánh Dư trước giặc Nguyên Mông tại Vân Đồn và trên dòng sông Bạch Đằng. Đặc biệt, Yên Tử được xem là đất tổ của Phật giáo Việt Nam, nơi vua Trần Nhân Tông tu hành và sáng lập Thiền phái Trúc Lâm, tông phái thuần Việt với tư tưởng nhập thế, gắn đạo với đời. Suốt thời kỳ phong kiến tiếp theo, dù thăng hay trầm, Quảng Ninh với các tên gọi khác nhau, vẫn luôn được các triều đại coi trọng...

Quá trình lịch sử ấy còn để lại trên vùng đất này tới hôm nay hơn 630 di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh. Các di tích này đã được kiểm kê, phân loại và xếp hạng, trong đó có 6 khu di tích quốc gia đặc biệt (gồm cả Di sản thế giới Vịnh Hạ Long) và khoảng 150 di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh. Những năm qua, tỉnh và các địa phương đã quan tâm, bền bỉ huy động nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực xã hội hóa với trị giá hàng nghìn tỷ đồng để đầu tư tu bổ, tôn tạo lại. Việc làm này không chỉ có ý nghĩa tri ân các di sản do tiền nhân để lại, giúp các công trình bền vững hơn trước mưa nắng thời gian, mà còn khiến các di tích này trở thành điểm đến có sức hấp dẫn, thu hút trung bình 6 triệu lượt khách du lịch hằng năm, tiêu biểu như Yên Tử, Cửa Ông, Cái Bầu, Ba Vàng...

Các di sản lớn của tỉnh như Vịnh Hạ Long, Yên Tử, Bạch Đằng đều đã và đang được định hướng để trở thành những di sản thế giới liên vùng. Trong đó, Di sản thế giới Vịnh Hạ Long được định hướng mở rộng sang khu vực quần đảo Cát Bà (Hải Phòng), vốn là khu vực biển đảo có mối quan hệ mật thiết với Vịnh Hạ Long về giá trị cảnh quan thiên nhiên, môi trường, văn hóa; di sản Yên Tử mở rộng theo không gian văn hóa trong lịch sử bao gồm 4 khu di tích lớn ở Quảng Ninh (Yên Tử, nhà Trần tại Đông Triều), Hải Dương (khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc và chùa Thanh Mai), Bắc Giang (khu di tích Tây Yên Tử).

Nhiều di tích tiếp tục được định hướng nâng tầm giá trị, lập hồ sơ đề nghị công nhận di tích quốc gia đặc biệt giai đoạn tới, như khu di tích Thương cảng cổ Vân Đồn, đình Trà Cổ. Đồng thời, nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị các di sản này gắn với phát triển du lịch và giao lưu văn hóa quốc tế. Nối tiếp những bước đi giai đoạn trước, Quảng Ninh còn định hướng trong việc ưu tiên phát triển và hình thành các khu du lịch quốc gia gắn với các di sản lớn, như Vịnh Hạ Long, Vân Đồn (gắn với di sản Thương cảng cổ Vân Đồn), Yên Tử (gắn với khu di tích - danh thắng Yên Tử).

Quảng Ninh còn có hơn trăm di sản văn hóa phi vật thể các loại, trong đó có 7 di sản đã được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Di sản Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam (trong đó có Then nghi lễ người Tày Bình Liêu) được ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Nhiều hơn cả trong đó là các lễ hội. Quảng Ninh hiện có 119 lễ hội, trong đó có 76 lễ hội đã được kiểm kê đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể. Các lễ hội văn hóa, lịch sử truyền thống được các địa phương huy động các nguồn lực tổ chức hiệu quả, trong đó có nhiều lễ hội mới được xây dựng thành sản phẩm văn hóa thường niên, như Carnaval, hoa Anh đào - Mai vàng Yên Tử, hoa sở, trà hoa vàng... vừa bảo tồn được di sản văn hóa, vừa tạo thành sản phẩm văn hóa riêng có.

Nhiều lễ hội đã được phục dựng thành công, bài bản, đúng bản sắc truyền thống của dân tộc, như lễ hội văn hóa, thể thao dân tộc Dao, Tày, Sán Chỉ, Sán Dìu... Từ việc duy trì, phục dựng các lễ hội truyền thống, nhiều giá trị văn hóa đã mai một được bảo tồn, sống lại trong đời sống hôm nay, như các trò chơi dân gian, các loại hình văn hóa, văn nghệ truyền thống, các trang phục truyền thống được đồng bào gìn giữ, trân trọng và sử dụng thường xuyên hơn... Có sức sống mạnh mẽ và sôi động nhất có lẽ phải kể tới các lễ hội ở khu vực miền Đông của tỉnh. Lễ hội ở đây không chỉ ở một xã, một vài xã hay một huyện, mà có sức lan tỏa rộng khắp, trở thành ngày hội chung của đồng bào các dân tộc. Với những giá trị văn hóa độc đáo, một số thôn, làng, bản ở khu vực miền Đông đã, đang được xây dựng để trở thành “bảo tàng sống” nhằm bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống đặc sắc, gắn với phát triển du lịch.

Định hướng phát triển văn hóa gắn với du lịch của tỉnh là một hướng đi đúng, hiệu quả, để các giá trị văn hóa lan tỏa sức sống mạnh mẽ trong đời sống hôm nay; nguồn thu từ du lịch được đầu tư trở lại cho bảo tồn các giá trị văn hóa. Đây là cơ sở để văn hóa tự nuôi sống mình, từng bước giải bài toán khó nhiều năm qua về nguồn kinh phí ngân sách đầu tư cho văn hóa, thổi luồng gió mới vào hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa.

**\* Phẩm chất con người Quảng Ninh:**

- Bản lĩnh mạnh mẽ, kiên cường:

Văn hóa Quảng Ninh thể hiện đậm nét sắc thái vùng Đông Bắc Tổ quốc, là sản phẩm của sự giao lưu, hội tụ, kết hợp giữa văn hóa bản địa và văn hóa các vùng miền, các tộc người, trong đó chủ yếu là văn hóa than và văn hóa biển.

Quảng Ninh vốn là vùng biên giới, cách xa trung tâm kinh tế, chính trị của cả nước, giao thông đường thủy là chủ yếu. Quảng Ninh cũng là điểm đến cho những người có lối sống phóng khoáng, tự do. Thời cận đại, thực dân Pháp thành lập hàng loạt mỏ than, về các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ mộ phu. Hàng nghìn nông dân nghèo khắp các vùng miền đã đến các mỏ của Quảng Ninh. Phần lớn những người nông dân đó đã định cư lâu dài, hình thành một tầng lớp xã hội mới, đông đảo – đội ngũ công nhân mỏ.

Từ sau ngày tiếp quản Vùng mỏ, đội ngũ công nhân đó ngày càng lớn mạnh. Những người dân di cư không chỉ mang theo văn hóa địa phương ra Vùng mỏ mà còn chung lưng đấu cật cùng người dân bản địa xây dựng quê hương Quảng Ninh mỗi ngày thêm giàu đẹp. Sự hội tụ qua quá trình lịch sử dài lâu đó đã tạo sự đa dạng về văn hóa cho Quảng Ninh.

Truyền thống lao động sản xuất, cần cù chăm chỉ, sáng tạo, khí chất mạnh mẽ cũng là một phẩm chất ưu trội của người Quảng Ninh. Trải qua hàng nghìn năm, các thế hệ người Quảng Ninh dù ở bất cứ ngành nghề nào, dù sản xuất trên đồng ruộng, nương rẫy hay mải miết chài lưới ở vùng biển đảo, xa khơi hoặc miệt mài khai thác than dưới hầm sâu hay ngược xuôi buôn bán, đều lao động hết mình.

Từ thời Pháp thuộc, kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc đến nay, tinh thần quật cường của công nhân vùng mỏ luôn tỏa sáng. Ngày 12/11 hằng năm nhắc nhở các thế hệ người dân Quảng Ninh về thời kỳ gian khổ, hào hùng của công nhân trong cuộc đấu tranh sinh tồn, bảo vệ quê hương, đất nước. Vì thế văn hóa Quảng Ninh mang nét riêng biệt của văn hóa miền Đông Bắc, được nhân dân vun đắp, bảo tồn qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước.

Sống gần biển nên con người Quảng Ninh hòa hợp thiên nhiên, phóng khoáng , tôn kính tổ tiên, ước mong cuộc sống bình yên, khát khao tình yêu, hạnh phúc, sống đoàn kết, thương yêu, trọng tình, trọng nghĩa. Truyền thống này thể hiện trong các mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với gia đình và xã hội. Con cháu kính trọng thương yêu cha mẹ, ông bà, tôn vinh các bậc tiền bối có công khai hoang khẩn đất. Lễ mừng và rước cụ Thượng hàng năm ở khu vực Hà Nam, Quảng Yên là một dẫn chứng sinh động.

Cuộc sống nơi biên cương núi non hiểm trở, biển đảo khuất khúc, thường bị thiên nhiên đe dọa, thổ phỉ, hải phỉ cướp bóc, lại kiếm sống bằng những nghề nặng nhọc như làm ruộng, chài lưới, đào mỏ...đã hình thành tôi luyện con người Quảng Ninh thành những con người cần cù, chịu thương, chịu khó, kiên cường, mưu trí.

- Tính cố kết cộng đồng“mình vì mọi người”: Bất cứ ai đi biển cũng có thể gặp tai nạn, tai ương có thể ập đến bất ngờ, không trừ một ai, bởi thế nên dù quen biết hay không thì ngư dân đều hết mình để hỗ trợ người gặp nạn, vì “giúp người cũng là giúp mình”, có như vậy thì đến khi mình gặp nạn lại có sự tương trợ. Điều đó đã tạo nên tập quán sống “mình vì mọi người”, “lá lành đùm lá rách”, sẵn sàng tương trợ lẫn nhau của người dân Quảng Ninh.

Môi trường biển đảo cũng đã tạo nên tập quán hợp tác trong sản xuất của người vạn chài. Trừ các gia đình thủy cư trên các con thuyền thường tổ chức đánh bắt cá theo cấp độ gia đình, còn lại nói chung, để tổ chức đánh bắt cá ngư dân phải góp vốn hợp tác. Mỗi loại ngư cụ để đánh bắt thường cần một số bạn thuyền mà ở quy mô từng gia đình không thể nào có đủ nguồn nhân lực. Cho nên dù đi khơi hay về lộng, nghề đánh bắt cá luôn đòi hỏi sức mạnh của tập thể. Cách thức tổ chức mưu sinh như vậy đã góp phần làm nên tính cách cởi mở, hợp tác và cố kết cộng đồng cao của người Quảng Ninh.

- Hào sảng Quảng Ninh: Điểm mấu chốt tạo nên sự khác biệt, đặc thù trong tính cách của người miền biển Quảng Ninh nằm ở chỗ họ là những người con của Vùng di sản. Vịnh Hạ Long là một di sản độc đáo bởi địa danh này chứa đựng những dấu tích quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển lịch sử Trái đất, là cái nôi cư trú của người Việt cổ, đồng thời là tác phẩm nghệ thuật tạo hình vĩ đại của thiên nhiên với sự hiện diện của hàng nghìn đảo đá muôn hình vạn trạng, với nhiều hang động kỳ thú quần tụ thành một thế giới vừa sinh động vừa huyền bí. Sống giữa khung cảnh thiên nhiên đẹp, kì ảo và nên thơ như vậy, con người tất nhiên cũng trở nên lãng mạn và hào hoa. Vì lẽ đó mà cho đến ngày nay, Quảng Ninh là nơi sản sinh ra nhiều thế hệ văn nghệ sĩ được cả nước biết tên, có nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật, mĩ thuật nhiếp ảnh nổi bật, có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao. Điều đó chính là sự thể hiện ra bên ngoài của *nét hào hoa con người vùng di sản*, hay nói một cách khác, đó là: người Quảng Ninh vừa có chất “thép”, lại vừa có chất “tình”; vừa mạnh mẽ thô mộc, lại vừa phóng khoáng hào hoa.

   Sự hòa quyện của chất “thép” và chất “tình” cũng đã làm nên một đặc tính riêng có ở người Quảng Ninh: đó là sự Hào sảng. “Hào sảng” nghĩa là thanh thoát, rộng rãi, không gò bó; là sự cho đi mà không cần nhận lại, không tính toán vụ lợi. Hào sảng còn thể hiện tính tình cao cả, hiếu khách, nhân ái, nghĩa tình, không tham lam, không ích kỷ, không cá nhân chủ nghĩa. Đặc tính này khiến người Quảng Ninh được mến, được yêu, được vị nể trong mắt bạn bè phương xa, nhưng mặt trái của nó lại là sự “sĩ diện”, “vung tay quá trán”.

- Lòng trung thành với Đảng: Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, được tôi luyện qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc đến chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đứng trước bất cứ hoàn cảnh nào, nhân dân tỉnh Quảng Ninh vẫn luôn một lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc. Đồng thời, tỏ rõ là lực lượng chiến đấu trung thành, làm nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, là chỗ dựa vững chắc, tin cậy của Đảng. Các cấp uỷ, tổ chức Đảng và mỗi cán bộ, Đảng viên trong tỉnh đã tỏ rõ lòng trung thành, trí thông minh, sự dũng cảm, giữ vững vai trò lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị được giao. Các thế hệ cán bộ, nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tự hào đúc kết nên mười chữ vàng truyền thống “Đoàn kết, sáng tạo, bất khuất, kiên trung, chiến thắng”.

Qua cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, tỉnh Quảng Ninh đã có 135.607 người tham gia kháng chiến và nhập ngũ chi viện cho các chiến trường.

Đất nước thống nhất, nhân dân tỉnh Quảng Ninh cùng với quân và dân cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, hướng tới mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Đảng bộ và các nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tích cực, chủ động tham mưu với cấp uỷ, chính quyền, cùng với các ban ngành, đoàn thể và nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc.

- Tinh thần “Kỷ luật và Đồng tâm”: công nhân mỏ yêu thương, đoàn kết nhau, ý chí cách mạng cao. Công nhân mỏ có truyền thống "Kỷ luật và Đồng tâm". Từ trong áp bức, những công nhân mỏ đã đoàn kết thành một khối; tinh thần ấy đã được thử lửa qua cuộc Tổng đình công của hàng vạn công nhân Vùng mỏ Quảng Ninh, tháng 11/1936.

Thực tế năm 1936 cũng vì thợ mỏ thương nhau mà đứng lên đấu tranh. Người ngành Than yêu thương nhau, đùm bọc nhau, sướng khổ có nhau, sống chết vì nhau để vượt qua mọi gian khó. Người thợ mỏ nói thẳng, ngắn, trung thực, giữ chữ tín...

- Sự cần cù, chịu khó, sáng tạo: Xuất phát từ công việc hằng ngày, cư dân vùng biển Quảng Ninh sống rất vô tư, thoải mái, nghĩa tình gắn bó giữa người với người. Họ chăm chỉ làm ăn, đánh bắt cá, nuôi trồng thủy sản.

Ngư dân nhiều nơi ở miền biển Quảng Ninh mang bản sắc của vùng Đồ Sơn, vùng Thanh - Nghệ. Phương ngữ của họ vẫn giữ được nét đặc trưng của giọng nói gốc gác cố hương. Họ sống rất gắn bó nhiều năm với biên cương Tổ quốc. Nhiều dòng họ đã xây từ đường ở đất mới, cất bốc mồ mả tổ tiên ở cố hương ra biển đảo thờ tự và coi đó là điểm tựa tinh thần cho cuộc sống hằng ngày phải đối diện với sóng gió.

Nói về đặc trưng con người Quảng Ninh, ít có sử liệu ghi chép cụ thể. Sách Đại Nam Nhất thống chí phần tỉnh Quảng Yên nói về phong tục chỉ vắn tắt về người Quảng Yên (gồm cả Quảng Ninh ngày nay): “Tục ưa mạnh tợn..., dân làm nghề đánh chài, đi buôn, mối lợi nhờ núi, biển”.

Xuất phát từ cuộc sống mưu sinh trên biển, từ quan hệ lao động mà người vùng biển ăn sóng, nói gió. Và có lẽ, Đại Nam Nhất thống chí cho rằng tính cách người Quảng Yên “ưa mạnh tợn” là vì như thế.

- Lòng cởi mở, bao dung: Với khí chất mạnh mẽ, khoáng đạt, mộc mạc của văn hóa biển kết hợp với tinh thần đoàn kết, kỷ luật, bao dung của văn hóa công nhân mỏ cùng với sự linh hoạt của nền văn minh sông Hồng, sự giản đơn, thật thà của văn hóa vùng Đông Bắc đã dần hình thành những giá trị đặc trưng riêng biệt mà ở đó có nhiều phẩm chất quý báu được chắt lọc, kết tinh, tôi luyện để có được hình ảnh về mảnh đất và con người Quảng Ninh như ngày hôm nay. Một Quảng Ninh được đông đảo bạn bè xa gần ghi nhận, đó là: **sự chính trực, tinh thần hào sảng, tính cách khoáng đạt đầy tình nhân văn, sự chân thành trong giao tiếp, ứng xử.**

**2.Khẩu hiệu “Kỷ luật và Đồng tâm! Chúng ta sẽ thắng!” ra đời trong hoàn cảnh nào?**

**Khẩu hiệu *“Kỷ luật và đồng tâm! Chúng ta sẽ thắng!”* Ra đời trong hoàn cảnh sau:**

- Những điều kiện lịch sử làm bùng nổ cuộc Tổng bãi công tháng 11 năm 1936:

+ Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 đến 1933 gây nên nhiều tác động nghiêm trọng và ảnh hưởng nặng nề đến sự phát triển của các khu vực.

Cuộc đại khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 bắt nguồn từ các nước tư bản với sự chạy đua sản xuất hàng loạt hàng hóa số lượng lớn, mong đạt lợi luận khổng lồ. Từ đó, người dân không tiêu thụ hết dẫn tới thừa ế hàng hóa tràn lan. Tạo nên sự mất cân bằng về cung cầu, tiền mất giá, kinh tế đi xuống trầm trọng. Đồng thời làm các mối quan hệ giữa các nước xấu đi, nhiều mâu thuẫn và tranh chấp quyền lợi.

Về bản chất, cuộc khủng hoảng này xảy ra bởi các nước tư bản chạy theo lợi nhuận, vì thế sản xuất hàng hóa một cách ồ ạt. Tuy nhiên, sức mua của người dân lại giảm sút vì quần chúng quá nghèo khổ. Đây được xem là cuộc khủng hoảng sản xuất thừa. Trái ngược với cuộc khủng hoảng 1919 – 1924 được xem là cuộc khủng hoảng thiếu.

Cuộc khủng hoảng này đã phản ánh chính xác những mâu thuẫn sâu sắc trong nội bộ phe đế quốc cũng như những căn bệnh của chủ nghĩa tư bản. Đây cũng là những điều mà hệ thống Véc-xai Oa-sinh-tơn không thể giải quyết nổi.

Khủng hoảng kinh tế kéo dài nhiều năm ở tất cả các mặt dẫn tới sự tiêu điều của cả đất nước. Các nước tư bản nội bộ lục đục và sục sôi nảy sinh nhiều ý đồ xấu để giúp kinh tế phục hồi và phát triển hơn.

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 đến 1933 khiến mâu thuẫn giữa giai cấp tư bản và vô sản, giữa người nông dân và địa chủ cực kỳ gay gắt. Vì thế đã dẫn tới cao trào cách mạng, bọn tư bản đàn áp khốc liệt nên người dân kịch liệt chống đối. Các cuộc bạo loạn xảy ra khắp nơi.

Đồng thời, khủng hoảng kinh tế cũng làm cho mâu thuẫn giữa các nước đế quốc căng thẳng về nhằm nhò tài nguyên, đất đai và tài sản của nhau. Các nước đế quốc tích cực đẩy mạnh chuẩn bị chiến tranh chia lại thế giới. Đây là ngòi nổ châm bùng lên ngọn lửa chiến tranh thế giới thứ hai. Trong bối cảnh đó, Anh, Pháp tích cực thực hiện cải cách kinh tế, xã hội. Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản tiến hành phát xít hóa chế độ cai trị và phát động chiến tranh.

Nước Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề vì bọn thực dân tăng cường bóc lột nhân dân, tăng sưu thuế, cướp bóc, chèn áp khiến kinh tế trở nên kiệt quệ. Pháp rút vốn đầu tư ở Đông Dương về nên sản xuất ở Việt Nam đình trệ, ruộng đất bỏ hoang. Đời sống nhân dân lâm vào cảnh khốn cảnh.

+ Thời kỳ 1931 - 1936, bọn chủ mỏ thực dân và chính quyền thực dân Pháp ở khu mỏ Quảng Ninh đã tiến hành khủng bố dã man phong trào công nhân mỏ.

\* Cuộc đấu tranh của công nhân Nhà sàng Cửa Ông: Mở đầu cho cao trào đấu tranh của công nhân vùng mỏ năm 1930-1931 là cuộc bãi công của công nhân Nhà sàng Cửa Ông.

Ngày 7-4-1930, tên đốc công nhà máy đuổi 6 người thợ. Ngày hôm sau, lại đuổi thêm 6 người nữa với lý do thừa người.

Trước tình hình ấy, chi bộ Đảng Cẩm Phả-Cửa Ông quyết định phát động công nhân nhà máy đấu tranh. Tất cả Đảng viên và hội viên Công hội đỏ đều được phân công đi vận động công nhân.

Cuộc đấu tranh nổ ra lúc 8 giờ tối ngày 8-4-1930. Công nhân đã kéo đến vây quanh bàn giấy tên đốc công và đưa ra yêu sách:

* Phải gọi các thợ đã bị đuổi đi làm
* Giảm 3 giờ làm việc cho ca đêm
* Không được đánh đập thợ
* Tăng tiền lương 20%

Lúc đầu, tên đốc công ngoan cố và dọa nạt. Nhưng trước lực lượng công nhân đông đảo nó phải chấp nhận 3 yêu sách. Còn yêu sách đòi tăng lương nó nhận chuyển lên chủ nhà máy.

Tên chủ nhà máy trả lời nó không có thẩm quyền tăng lương, hứa đề nghị lên chủ chính ở Hòn Gai giải quyết. Anh chị em công nhân biết nó chỉ hứa suông, nên tích cực chuẩn bị cho đợt đấu tranh tiếp. Hơn 10 ngày sau, bọn chủ vẫn không chịu trả lời. Chi bộ Đảng quyết định phát động đợt đấu tranh thứ 2. 8 giờ tối ngày 22-4-1930, công nhân kéo đến vây bàn giấy tên chủ nhà máy đòi phải giải quyết yêu sách tăng lương. Trước thái độ ngoan cố của nó, anh chị em tuyên bố bãi công.

Cùng ngày, công nhân mỏ than Mông Dương biểu tình đòi tăng lương. Truyền đơn kêu gọi công nhân chuẩn bị kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5 xuất hiện ở nhiều nơi trong khu vực này.

Chính quyền thực dân và bọn chủ mỏ hoảng sợ, vội vã tìm cách đối phó. Chúng tăng cường lính đi tuần tiễu, cho mật thám sục vào khám xét ở các lán ở, đe dọa, khủng bố, mua chuộc gây chia rẽ, ly gián đội ngũ công nhân bãi công. Mặt khác chúng còn ngăn chặn việc buôn bán lương thực, thực phẩm, ở ngoài vào đất Cửa Ông. Nhưng anh chị em công nhân vẫn không nao núng tinh thần.

Xứ ủy Bắc Kỳ rất quan tâm đến tình hình khu mỏ, theo dõi cuộc đấu tranh của công nhân nhà sàng Cửa Ông. Tổng công hội Bắc Kỳ đã chuyển tiền nhiều nơi gửi đến ủng hộ anh chị em bãi công.

Tuy gặp nhiều khó khăn, nhất là thiếu thốn lương thực, nhưng anh chị em đã đoàn kết chặt chẽ, chia sẻ cho nhau từng bát cháo loãng, duy trì cuộc đấu tranh đến thắng lợi.

Cuộc bãi công của công nhân nhà sàng Cửa Ông đã làm cho nhiều tàu nước ngoài đến “ăn than” phải nằm chờ trên biển.

Ngày 25-4-1930, chủ mỏ buộc phải chấp nhận tăng lương cho công nhân. Cuộc đấu tranh giành được thắng lợi to lớn. Nó cổ vũ và đưa phong trào đấu tranh cách mạng lên một tầm cao mới.

**Tháng 4-1930: Cẩm Phả-Cửa Ông rải truyền đơn phản đối thực dân Pháp tàn sát các chiến sĩ yêu nước tham gia vụ bạo động Yên Bái**

Ngày 9-2-1930, Cuộc bạo động của Việt Nam Quốc dân đảng nổ ra ở Yên Bái, đã bị đế quốc Pháp dập tắt nhanh chóng. Chúng điên cuồng khủng bố, tàn sát dã man các chiến sĩ yêu nước tham gia vào vụ bạo động. Đảng ta đã kêu gọi toàn đảng và nhân dân cả nước đấu tranh chống khủng bố trắng của đế quốc, đòi trả lại tự do cho những người bị bắt giam.

Thực hiện lời kêu gọi của Đảng, Chi bộ Cẩm Phả - Cửa Ông đã rải truyền đơn ở nhiều nơi trong nhà máy, tầng than và các đường phố đông người để phản đối thực dân Pháp.

Truyền đơn kêu gọi: “Anh em, chị em! Ai là người bị bóc lột, áp bức, ai là người bị khổ sở hãy đứng dậy cùng Đảng cộng sản chống lại khủng bố dã man của đế quốc Pháp. Chỉ có sức mạnh của anh chị em mới ngưng được cái tay tàn bạo của quân đế quốc hút máu giết người này...”

**Tháng 4-1930: Chị em tiểu thương chợ Hòn Gai bãi thị đòi giảm thuế môn bài.**

Chợ Hòn Gai là trung tâm buôn bán của vùng mỏ. Chị em buôn bán ở đây phần lớn là vợ con công nhân, bị chính quyền thực dân áp bức, bóc lột điêu đứng. Chúng đánh thuế môn bài rất nặng, hàng ngày lại còn ăn cướp trắng trợn, mua hàng “quỵt” tiền, nên chị em vô cùng căm phẫn.

Tháng 4-1930, dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, chị em tiểu thương chợ Hòn Gai đứng lên đòi chính quyền thực dân phải giảm thuế môn bài.

Phối hợp với cuộc đấu tranh này, công nhân nhà máy Than luyện đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm; công nhân Cái Đá đòi tăng lương, chống đánh đập; công nhân Nhà sàng đình công phản đối cúp phạt vô lý, đòi trả lương giờ làm thêm..

Cuộc bãi thị của chị em tiểu thương chọ Hòn Gai chứng tỏ phong trào đấu tranh không chỉ sục sôi trong công nhân mỏ mà còn lan rộng ra các tầng lớp lao động khác.

**Ngày 1-5-1930: Lần đầu tiên vùng mỏ kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động**

Ngày 1-5-1930, hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, lần đầu tiên công nhân mỏ kỷ niệm ngày hội của lao động thế giới.

Hòa nhịp với làn sóng đấu tranh mạnh mẽ đang dâng lên trong cả nước, trong ngày kỉ niệm khắp vùng mỏ đều rải truyền đơn, căng biểu ngữ, dán áp phích, treo cờ đỏ búa liềm...khí thế cách mạng sôi sục.

Ở Hòn Gai lá cờ đỏ búa liềm được cắm trên núi Bài Thơ tung bay trước gió như vẫy gọi mọi người vùng lên đấu tranh. Núi Bài Thơ là ngọn núi đá cao nằm giữa thị xã Hòn Gai, công nhân và nhân dân lao động ở khắp vùng lân cận đều có thể ngắm nhìn lá cờ của Đảng. Cờ Đảng được cắm ở trung tâm kinh tế, chính trị làm cho bọn chủ mỏ và chính quyền thực dân ở đây vô cùng hoảng sợ.

Cùng với sự xuất hiện lá cờ Đảng là hàng nghìn tờ truyền đơn, khẩu hiệu kêu gọi công nhân, nông dân đoàn kết đấu tranh.

Ở Hà Tu, khẩu hiệu băng đỏ được treo ở đầu tầng mỏ “Xạc lồ” ngay lối công nhân đi làm. Truyền đơn rải dọc đường suốt từ tầng than xuống đến phố.

Ở Hà Lầm, áp phích có vẽ hình búa liềm được dán khắp nơi công cộng. Truyền đơn được dỉa ở những chỗ đông ngưởi qua lại. Công nhân đi làm về, nhặt được truyền tay nhau đọc.

Các đảng viên và hội viên Công hội đỏ Hòn Gai còn dùng thuốc nổ phá hoại một đoạn đường sắt chạy từ Hà Tu ra bến than, làm đổ toa than gây được tiếng vang trong vùng mỏ.

Ở Cẩm Phả, ngay từ cuối tháng 4-1930, chi bộ đảng đã vận động công nhân tham gia đấu tranh nhân ngày 1-5. Các đảng viên và hội viên Công hội đỏ chia nhau đi rải truyền đơn ở chọ và những chỗ công nhân làm việc, phân phát cho anh chị em đi làm ca đêm về.

Truyền đơn kêu gọi: “Anh em sẽ đòi:

Ngày làm 8 giờ

Tăng tiền lương

Giảm sưu thuế

Phản kháng đế quốc chủ nghĩa

Ủng hộ Liên bang Xô viết”

Trong ngày 1-5, công nhân ở đây đã phá một đoạn đường sắt từ mỏ ra bến Cửa Ông. Cờ đỏ búa liềm được cắm ở các đống than trên tầng.

Ở Mông Dương, ngày 1-5 anh em công nhân đã nhất loạt nghỉ việc, biểu tình đòi tăng lương.

Lần đầu tiên kỷ niệm ngày 1-5, công nhân và quần chúng cách mạng khu mỏ đã biểu dương sức mạnh của mình trong ngày hội thế giới

**Ngày 10-5-1930: Hòn Gai rải truyền đơn ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân Bến Thủy và nông dân Thái Bình.**

Nhân ngày Quốc tế lao động, hơn 1000 nông dân từ 18 làng thuộc hai huyện Tiên Hà và Tiên Hưng biểu tình, kéo về tỉnh lỵ đưa yêu sách. Cuộc biểu tình đã bị đàn áp dữ dội.

Để ủng hộ cuộc đấu tranh của anh chị em công nhân Vinh – Bến Thủy và nông dân Thái Bình, chi bộ Đảng Hòn Gai tổ chức rải truyền đơn phản đối đế quốc Pháp đàn áp dã man quần chúng biểu tình.

Ngày 10-5, truyền đơn đã được rải nhiều nơi trong thị xã Hòn Gai, Hà Tu, Hà Lầm...

Truyền đơn kêu gọi: “...Các đồng chí bị áp bức! Hãy đứng dậy đấu tranh. Các đồng chí không được quên rằng bọn thực dân Pháp dã man, chính bọn chúng đã áp bức và sát hại dân nghèo.

Các đồng chí hãy luôn nhớ rằng ngày 1-5 là ngày mà thực dân Pháp đã sát hại dã man thợ thuyền và nông dân.

Các đồng chí hãy noi gương các đồng chí Bến Thủy và Thái Bình để đấu tranh đòi giảm thuế, phải có cơm ăn và phản đối sự tăng cường bóc lột.

Sự tàn sát thợ thuyền và nông dân sẽ làm sụp đổ bọn thực dân Pháp dã man tàn bạo...”

**Tháng 9-1930: Đồng chí Trần Phú về khảo sát phong trào công nhân vùng mỏ.**

Được Ban Chấp hành trung ương lâm thời phân công chuẩn bị bản Luận cương chính trị của Đảng, tháng 9-1930, đồng chí Trần Phú đã về nghiên cứu tình hình đời sống và phong trào công nhân vùng mỏ Quảng Ninh.

Quảng Ninh là một trong những cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam. Từ khi có Đảng lãnh đạo, phong trào đấu tranh của công nhân phát triển mạnh, có ảnh hưởng lớn đến phong trào đấu tranh của công nhân toàn quốc.

Việc đi khảo sát công nhân vùng mỏ đã giúp cho đồng chí Trần Phú có thêm cơ sở thực tiễn để khởi thảo bản Luận cương chính trị của Đảng.

Tháng 10-1930: **Công nhân vùng mỏ đấu tranh “Ủng hộ Nghệ tĩnh đỏ”**

Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng về việc ủng hộ phong trào công nông Nghệ tĩnh, trong tháng 10-1930, ở vùng mỏ đã dấy lên một phong trào đấu tranh với khẩu hiệu “Ủng hộ Nghệ Tĩnh đỏ”. Tại nhiều nơi, ta liên tiếp rải truyền đơn, kêu gọi công nhân đấu tranh.

Ngày 3 tháng 10, truyền đơn rải ở Hòn Gai, Hà Tu kêu gọi công nhân “Ủng hộ Nghệ Tĩnh đỏ”.

Ngày 14 tháng 10, truyền đơn rải ở Hòn Gai kêu gọi công nhân và nông dân biểu tình phản đối chính sách đàn áp của đế quốc Pháp.

Ngày 18 tháng 10, công nhân Cẩm Phả - Cửa Ông rải truyền đơn, phản đối đế quốc Pháp tàn sát dã man các chiến sĩ Xô Viết, Nghệ Tĩnh. Công nhân cắm cờ Đảng tại núi Trọc và treo áp phích cảnh cáo tên mật thám Cút-xô mới đổi về Cẩm Phả ngay tại hàng rào nhà nó.

Ngày 27-10, 6 giờ tối truyền đơn kêu gọi đấu tranh ở Hòn Gai.

Ngày 30-10, truyền đơn được kêu gọi ở Hà Tu kêu gọi công nhân đấu tranh ủng hộ nhân dân Nghệ Tĩnh, phản đối chính sách đàn áp dã man của đế quốc.

**Tháng 11-1930: Kỷ niệm lần thứ 13 ngày cách mạng tháng mười ở vùng mỏ**

Để chào mừng Cách mạng tháng mười, Đặc khu ủy đã phát động phong trào đấu tranh trong toàn vùng mỏ.

Từ ngày 4-11-1930, truyền đơn đã được kêu gọi ở Hòn Gai, kêu gọi công nhân biểu tình kỷ niệm ngày Cách mạng tháng Mười. Trong ngày kỷ niệm, pháo nổ ở ngay cửa ra vào nhà máy cơ khí. Công nhân cắt điện ở thị xã và truyền đơn được rải ở những chỗ đông người qua lại.

Ngày 5-11-1930, truyền đơn kêu gọi kỷ niệm Cách mạng tháng Mười xuất hiện ở Mạo Khê.

Ngày 7-11-1930, đảng ủy Uông Bí-Vàng Danh tổ chức treo cờ đỏ, rải truyền đơn, dán áp phích ở nhiều nơi kêu gọi công nhân đứng dậy đấu tranh đòi chủ mỏ không được lưu lương.

Ở Cẩm Phả, trong ngày kỉ niệm công nhân lấy đá buộc vào cờ ném lên cột điện cao thế trên đường phố cũ đi phố mới. Truyền đơn được rải và phân phát cho công nhân ở trên tầng. Cờ Đảng được cắm ở tầng 13. Đảng viên và hội viên Công hội đỏ đã cho nổ mìn ở cửa rạp hát, gây được tiếng vang trong thị xã.

**Từ thàng 10 đến tháng 12-1930: Số lượng Đảng viên và Hội viên công hội ở vùng mỏ**

Ngay sau khi được thành lập, Đặc khu ủy mỏ đã chú trọng xây dựng và phát triển cơ sở Đảng và hội viên Công hội.

Thông qua các cuộc đấu tranh, Đảng đã lựa chọn được những người ưu tú trong giai cấp công nhân để kết nạp vào Đảng và Công hội.

Các cơ sở Đảng và Công hội ở vùng mỏ phát triển nhanh chóng về số lượng và chất lượng. Theo một báo cáo của Đảng tháng 10-1930 ở cùng mỏ có 64 đảng viên và 43 hội viên Công hội. Qua các đợt đấu tranh, phong trào bị khủng bố. Một số đảng viên và quần chúng cách mạng bị địch bắt, nên tháng 12-1930 ở vùng mỏ còn 38 đảng viên và 29 hội viên Công hội.

Sau đây là bản thống kê của báo cáo:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chi bộ | Tháng 10 | | Tháng 12 | |
| Đảng viên | Hội viên Công hội | Đảng viên | Hội viên Công hội |
| Hòn Gai | 8 |  | 21 | 13 |
| Hà Tu | 7 | 8 | 3 | 4 |
| Cẩm Phả | 25 | 18 | 5 | 6 |
| Cửa Ông | 6 | 5 | 1 |  |
| Uông Bí | 12 | 12 | 8 | 6 |
| Vàng Danh | 6 |  |  |  |
| Cộng | 64 | 43 | 38 | 29 |

Tháng 1-1931

**TRUYỀN ĐƠN ĐƯỢC RẢI Ở CẦM PHẢ, HÒN GAI**

Ngày 31 tháng 12 năm 1930, một tai nạn lao động xảy ra ở mỏ Cầm Phả. Bọn chủ mỏ coi rẻ mạng người, không chịu cứu chữa để chết công nhân. Ngày 2-1-1931, chi bộ Đảng ở Cầm Phả đã cho rải nhiều truyền đơn kêu gọi công nhân đình công, biều tình đòi chủ phải bồi thường - tính mạng cho gia đình người bị chết".

Ngày 18 tháng 1 năm 1931, truyền đơn cũng được rải ở Hòn Gai. Hoảng sợ trước cao trào cách mạng của nhân dân ta trong cả nước, đế quốc Pháp khủng bố, đàn áp rất dã man hòng dập tắt ngọn lửa đấu tranh. Từ giữa năm 1931, nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng bị phá vỡ. Hàng vạn cán bộ đảng viên và quần chúng cách mạng bị bắt,bị giết hoặc bị tù đày. Phong trào cách mạng tạm thời bị lắng xuống. Đầu năm 1931, phong trào cách mạng ở khu mỏ bị tổn thất nặng. Hầu hết các đồng chí trong Đặc khu ủy, Đảng ủy Hòn Gai và nhiều đảng viên, quần chúng cảm tình bị địch bắt. Trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn ấy, đảng viên và quần chúng vẫn vững vàng, tin tưởng vào thắng lợi tất yếu của cách mạng, một lòng trung thành với sự nghiệp của Đảng và hiên ngang bất khuất trước kẻ thù. Mặc dù bọn chủ mỏ và chính quyền thực dân 1929-1930. Những người thợ mỏ vẫn tìm mọi cách đấu tranh với kẻ thù bằng những hình thức thích hợp.

Trước cao trào cách mạng trong cả nước đang dâng lên mạnh mẽ, đế quốc Pháp đã thẳng tay khủng bố đàn áp, bắn giết dã man các chiến sĩ cách mạng. Chúng dìm các cuộc đấu tranh của Xô viết Nghệ Tĩnh, nông dân Tiền Hải… trong biển máu.

“Ở Bắc kỳ (1930 – 1931), chúng đã mở 21 phiên tòa. Đề hình để xử tất cả 1.094 án, trong đó có 164 bản tử hình mà 88 bản đã thi hành, 114 khổ sai chung thân, 420 đày biệt xứ v.v...”

Tại khu mỏ, bọn thực dân chủ mỏ và tay sai điên cuồng khủng bố phong trào cách mạng. Các cơ sở Đảng và tổ chức quần chúng lần lượt bị vỡ.

Ở Hòn Gai, do sơ hở về công tác tổ chức và cán bộ, nên tên Bùi Huy Thoại (tức Vương, tức Văn) đã chui được vào Đảng ủy mỏ. Tên Bùi Huy Thoại bảo cho bọn mật thám đến vây bắt hầu hết các đồng chí trong Đặc khu ủy, Đảng ủy Hòn Gai và nhiều đảng viên, quần chúng tích cực. Đồng chí Vũ Văn Hiếu, người bí thư Đảng bộ đầu tiên của vùng mỏ cũng bị bắt cùng với một số đồng chí khác ngay tại cơ quan Đảng ủy Cầm Phả - Cửa Ông. Nhiều tài liệu, vũ khí, sách báo bí mật, phương tiện ấn loát, truyền đơn của Đảng ở Hòn Gai, Cầm Phả cũng đã bị địch lấy.

Vụ “Vương, Văn” phá hoại là một tổn thất lớn cho phong trào cách mạng của khu mỏ, tính đến cuối tháng 4 năm 1931, khu mỏ Hòn Gai chỉ còn 8 đảng viên và 10 hội viên công hội đỏ.

Trước sự khủng bố điên cuồng của dịch, nhiều cán bộ, đảng viên của khu mỏ đã bị bắt.

Trong cuộc chiến đấu mặt đối mặt với kẻ thù, nhiều đồng chí đã nêu cao tinh thần hiên ngang, bất khuất của người cộng sản. Mặc dù kẻ địch dùng mọi cực hình tra tấn dã man, mọi thủ đoạn mua chuộc, dụ dỗ hòng phát hiện cơ sở của Đảng trong khu mỏ và các nơi khác. Các đồng chí cố chịu đau, không hề khai báo nửa lời có hại cho cách mạng.

Tiêu biểu cho tinh thần kiên trung ấy là nữ đồng chí Nguyễn Thị Lưu (tức Cả, tức Khương) - người cán bộ của Đảng ủy mỏ Hòn Gai. Trong thời gian bị bắt, bị tù, mặc dù bị tra tấn dã man, chị vẫn hiên ngang lên án tội ác của giặc, tìm mọi cách bảo vệ cơ sở cách mạng, tuyên truyền giáo dục quần chúng tiếp tục đấu tranh, động viên đồng chí mình giữ vững lòng trung thành với Đảng.

Tinh thần bất khuất của các chiến sĩ cộng sản còn thể hiện khi ra trước tòa án của đế quốc. Các đồng chí đã biến các phiên tòa thành diễn đàn kết tội kẻ thù và tuyên truyền lý tưởng cộng sản cao đẹp. Trước phiên tòa đặc biệt ở Kiến An ngày 26-1-1931, các chiến sĩ cộng sản hoạt động ở khu mỏ đã trả lời chúng một cách đàng hoàng.

Đồng chí Hạ Bá Cang (tức Hoàng Quốc Việt): “Tôi không cần từ chối gì về hoạt động cách mạng của tôi cả vì đó là bồn phận của tôi phải góp sức cứu vớt 20 triệu đồng bào và đánh đồ giai cấp tư bản đế quốc”.

Đồng chí Trần Hỷ: “Tôi là vô sản nên có lý do dương nhiên làm cách mạng”.

Đồng chỉ Ngô Kim Tài: “Tôi vào Đảng dễ đấu tranh cho hạnh phúc nhân loại”.

Đồng chí Nguyễn Huy Sản: “Tôi là công nhân, tôi theo Đảng để bênh vực quyền lợi cho vô sản”.

Đồng chí Bùi Đặc Thanh: “Tôi có gan theo Đảng Cộng sản thì tôi cũng có can đảm chịu lấy trách nhiệm, chúng tôi không xem cách mạng như một trò trẻ con”.

Cuộc đấu tranh này, khẳng định: “Khủng bố trắng không thể làm giảm sút tinh thần cách mạng của các chiến sĩ. Những câu trả lời của anh chị em trước tòa án đã chứng tỏ điều đó, mặc dù anh chị em không được phép nói nhiều”

Cuối tháng 1 đầu tháng 2 năm 1931, nhiều đồng chí trong Đặc khu ủy và đảng ủy mỏ bị địch bắt, nhiều cơ sở Đảng bị vỡ. Các đảng viên và cơ sở cách mạng còn lại vẫn tiếp tục hoạt động để khôi phục phong trào.

Nhân kỷ niệm Công xã Pa-ri 18-3-1931, các đảng viên ở chi bộ Cẩm Phả tổ chức rải truyền đơn và diễn thuyết chào mừng ngày công nhân Pa-ri khởi nghĩa, thiết lập nền chuyên chính của giai cấp vô sản, đồng thời động viên quần chúng vững tin vào Đảng dẫn dắt họ dấu tranh.

Ba giờ sáng 18-3, truyền đơn kêu gọi dấu tranh được rải ở trên tầng than và các nơi trong thị xã. Đến tầm công nhân đi làm đông, đồng chí Phạm Văn Cát (tức Cao), đảng ủy viên Cẩm Phả – Cửa Ông đã cùng với một số đồng chí diễn thuyết kêu gọi đấu tranh ở tầng 6, tầng 8 và tầng 11.

Do có chỉ điểm, nên bọn thực dân chủ mỏ cho mật thám và lính dàn áp, vây bắt 4 người, trong đó có đồng chí Phạm Văn Cát.

Hành động dũng cảm trên dây của các đồng chí góp phần củng cố tinh thần của quần chúng cách mạng chống chiến dịch khủng bố trắng của địch.

**NĂM 1932 – 1935**

**CÔNG NHÂN CÁC MỎ HÀ LẦM, HÀ TU, MÔNG**

**DƯƠNG, CẦM PHẢ PHÁ HOẠI KINH TẾ CỦA**

**BỌN CHỦ MỎ**

Thời gian này, ở khu mỏ, tuy không có cuộc đấu tranh nào lớn, nhưng vẫn liên tiếp nổ ra các cuộc đấu tranh với những hình thức phong phú, kín đáo.

Công nhân ở các mỏ Hà Lầm, Hà Tu, Mông Dương, Cẩm Phả đã trộn đất đá vào than, làm hỏng các xe chở than, làm đứt dây kéo trục, gây đình trệ cho sản xuất và vận chuyển, có nơi đến 3, 4 ngày, làm cho bọn chủ mỏ bị nhiều thiệt hại.

Công nhân còn trấn áp những tên cai, xếp hay hống hách hà hiếp, đánh đập, cúp phạt thợ.

Tháng 8-1932

**CÔNG NHÂN MỎ MÔNG DƯƠNG QUYÊN GÓP TIỀN**

**GIÚP NHÂN DÂN MIỀN NAM TRUNG KỲ BỊ BÃO**

Trong tình hình khủng hoảng kinh tế với đồng lương chết đói, giá cả sinh hoạt ngày một tăng vọt, đời sống thợ mỏ vô cùng khổ cực. Nhưng khi được tin nhân dân miền nam Trung kỳ bị bão to, thiệt hại nhiều về người và của, công nhân mỏ Mông Dương đã vận động quyên góp mỗi người một ít tiền gửi vào giúp đỡ bà con bị nạn.

Số tiền quyên góp tuy nhỏ nhưng nó biểu hiện tinh thần đoàn kết thương yêu giai cấp của người công nhân mỏ.

Giữa năm 1935

**ĐỒNG CHÍ HOÀNG ĐÌNH GIONG VỀ VÙNG MỎ**

**CỦNG CỐ, XÂY DỰNG PHONG TRÀO**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thử nhất của Đảng đã quyết định phải ra sức phát triển đảng viên ở các trung tâm công nghiệp, đồn điền, đường giao thông quan trọng.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội, đồng chí Hoàng Đình Giong, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã về vùng mỏ Hòn Gai-Cẩm Phả để củng cố, xây dựng phong trào.

Đồng chí Hoàng Đình Giong tìm cách gây cơ sở và chắp nối liên lạc với những đảng viên cũ ở mỏ và những đảng viên ở vùng nông thôn Nam Định bị địch khủng bố chuyền ra mỏ Cầm Phả làm phu để hoạt động. Đồng chí tuyên truyền, giáo dục vận động công nhân, lập hội Ái hữu để tập hợp quần chúng.

Những hoạt động của đồng chí Hoàng Đình Giong đã góp phần phục hồi phong trào công nhân khu mỏ trong những năm có nhiều khó khăn.

Cuối năm 1935

**CÔNG NHÂN NHÀ MÁY CƠ KHÍ UÔNG BÍ**

**ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ LƯU LƯƠNG**

Vin vào lý do khủng hoảng kinh tế, than không bán được, bọn chủ nhà máy cơ khi Uông Bí đã lưu lương của công nhân đến 7 tháng. Được các đảng viên tuyên truyền vận động, công nhân đã nhất loạt kéo lên văn phòng nhà máy đòi chủ phải trả lương.

Trước sức mạnh đoàn kết của công nhân, bọn chủ nhà máy phải trả 2 tháng lương.

Để ngăn chặn những cuộc đấu tranh có thể nổ ra sau này, bọn chủ nhà máy tìm mọi cách đuổi một số công nhân mà chúng nghi là lãnh đạo phong trào.

**IV – CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1936 – 1939**

**Ở VÙNG MỎ QUẢNG NINH**

Tháng 7-1935, Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt của các Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân là lập mặt trận nhân dân rộng rãi đề thống nhất hành động chống chủ nghĩa phát xít đang ráo riết chuẩn bị chiến tranh, giành dân chủ và bảo vệ hòa bình.

Ở Pháp tháng 5-1936, Mặt trận nhân dân mà Đảng Cộng sản là nòng cốt lên cầm quyền, đã tạo cho cách mạng Đông Dương những thuận lợi mới.

Trước tình hình ấy, tháng 7-1936, hội nghị Trung ương Đảng lần thứ nhất (khóa I) quyết định thành lập Mặt trận nhân dân phản để (sau đổi là Mặt trận Dân chủ Đông Dương, nhằm tranh thủ tập hợp rộng rãi các lực lượng dân chủ và tiến bộ đấu tranh chống kẻ thù chủ yếu trước mắt là bọn phát xít Pháp và bọn phản động thuộc địa Pháp, giành tự do dân chủ và cải thiện dân sinh, chống phát xít xâm lược và bảo vệ hòa bình thế giới.

Nhờ có chủ trương đúng đắn và kịp thời của Đảng, phong trào cách mạng toàn quốc đã tiến nhanh lên cao trào mới vô cùng sôi nổi, rầm rộ với nhiều hình thức phong phú.

Ở Quảng Ninh, sau thời kỳ phong trào cách mạng bị địch khủng bố, cán bộ, đảng viên còn lại rất ít, nhưng vẫn đi sâu vào đời sống cơ cực hàng ngày của công nhân mỏ. Một số đảng viên ở tù ra, đã tìm mọi cách trở về mỏ hoạt động. Cuộc sống của công nhân và nhân dân khu mỏ bị bọn thống trị chà đạp nặng nề, họ sẵn sàng vùng lên đấu tranh.

Được Trung ương Đảng và Xứ ủy quan làm chỉ đạo, phong trào của vùng mỏ đã nhanh chóng phục hồi và phát triển thành cao trào cách mạng mới,

Hàng loạt các cuộc đấu tranh của công nhân đã nỗ ra với quy mô to lớn và hình thức phong phủ, mà cuộc Tổng bãi công của 3 vạn thợ mỏ tháng 11 năm 1936 là đỉnh cao của thời kỳ Mặt trận dân chủ ở vùng này. Thắng lợi to lớn của các cuộc đấu tranh đó làm rạng rỡ truyền thống vùng than kiên cường, bất khuất.

Giữa năm 1936

**CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN RA TÙ TÌM CÁCH TRỞ VỀ**

**MỎ HOẠT ĐỘNG**

Được sự ủng hộ của Mặt trận nhân dân Pháp mà Đảng Cộng sản là nòng cốt, cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống bọn phản động Pháp lên rất mạnh, buộc bọn thống trị Pháp ở nước ta phải thả một số tù chính trị.

Từ tháng 7-1936 đến tháng 11-1936, nhiều tù chính trị được trả lại tự do.

Những cán bộ, đảng viên trước đây hoạt động ở khu mỏ, khi ra tù, bọn thực dân Pháp bắt phải về quê quán đề quản thúc, Nhưng các đồng chí vẫn tìm mọi cách trở về mỏ, bắt liên lạc với các đảng viên, hội viên còn lại, xây dựng phong trào. Các đồng chí đã nhanh chóng trở thành hạt nhân lãnh đạo các cuộc đấu tranh của công nhân.

Tháng 7-1936

**CÔNG NHÂN CẨM PHẢ ĐÌNH CÔNG ĐÒI CHỦ MỎ**

**TĂNG LƯƠNG, GIẢM GIỜ LÀM**

Chủ mỏ Cẩm Phả cắt không cho công nhân vay kỳ lương ngày mồng một hàng tháng. Nó còn tăng mức khoán từ 17 lên 19 chuyến xe than một ngày mà không trả thêm tiền.

Công nhân mỏ Cẩm Phả đã kiên quyết nghỉ việc đòi chủ tăng lương, bớt giờ làm, không được giảm một kỳ vay, không được tăng múc xe than mà không trả thêm tiền.

Trước sức mạnh đoàn kết đấu tranh không khoan nhượng với kẻ thù của công nhân, tên chủ mỏ Cẩm Phả lúc đó đang ở Pháp, nhận được tin này đã gửi điện cho những người dưới quyền nó, tuyên bố với công nhân: đồng ý tăng lương và bớt giờ làm.

Ngày 13-11-1936

**CUỘC BÃI CÔNG SÔI ĐỘNG, QUYẾT LIỆT**

**CỦA MỘT VẠN CÔNG NHÂN MỎ CẨM PHẢ**

Từ giữa năm 1936, phong trào đấu tranh trong toàn quốc lên mạnh đã ảnh hưởng lớn đến phong trào khu mỏ Quảng Ninh.

Tổng số công nhân khu mỏ lúc này lên tới 36.420 người. Việc kinh doanh của bọn chủ mỏ phát đạt hơn so với những năm trước. Chúng trang bị thêm máy móc và tăng cường bóc lột sức lao động của công nhân đề làm giàu cho túi tiền tư bản. Sản lượng than năm 1935 lên tới 1 triệu 30 vạn tấn, tăng hơn năm 1933 trên 30 vạn tấn.

Mặc dù sản xuất ở mỏ phát triển, song tiền lương công nhân vẫn bị hạ. Trong những năm khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933), bọn chủ mỏ đã hạ lương công nhân tới 3 lần. Trước năm 1930, lương công nhân nam từ 30 đến 32 xu, công nhân nữ 25 xu một công. Đến đầu năm 1936, lương công nhân nam chỉ còn từ 20 đến 23 xu, nữ từ 16 đến 20 xu một công. Đồng lương rẻ mạt mà giá cả hàng hóa lại tăng vọt, đời sống của công nhân lúc này vô cùng cơ cực. Trong báo cáo của Mát-xi-mi (Massimi), công sứ Quảng Yên gửi Thống sứ Bắc kỳ ngày 22-12-1936 đã phải thừa nhận: “Tiền lương không đảm bảo được sự sống đơn sơ nhất cho thợ cấp thấp, là cấp đông đảo người hơn hết”.

Trước tình hình đó, những cán bộ, đảng viên mới ra tù về Cẩm Phả đã liên lạc với số đảng viên, hội viên cũ ở mỏ, bàn cách phát động quần chúng đấu tranh.

Đầu tháng 11-1936, tên Tây “cóc” coi tầng núi Trọc đã đánh một công nhân đứng tuổi rất tàn nhẫn. Hành động này gây căm thù, phẫn nộ rất nhanh trong toàn thể công nhân mỏ Cẩm Phả. Đây là cơ hội để cuộc đấu tranh bùng nổ.

Ngày 10-11, truyền đơn kêu gọi mọi người nghỉ việc đòi tăng lương, chống đánh đập cúp phạt xuất hiện ở những nơi công nhân đang làm việc.

Ngày 12-11, truyền đơn kêu gọi nghỉ việc xuất hiện ngay nơi công nhân lĩnh tiền vay. Đêm hôm đó không khí chuẩn bị đấu tranh bao trùm vùng mỏ.

Sáng sớm ngày 13-11, nhiều truyền đơn, áp phích kêu gọi đấu tranh xuất hiện ở những ngã ba, ngã tư và những lối lên tầng. Từng tốp công nhân đi làm quây quần đọc truyền đơn và lời kêu gọi:

“Hỡi anh chị em!

Chúng ta làm lụng cực khổ, lương không đủ sống

Chúng ta không muốn chết đói, chết bệnh

Vậy tất cả hãy bãi công,

Đòi chủ tăng lương lên 3 hào một ngày

Đòi chủ phải mua cuốc, xẻng

Anh chị em hãy đồng tâm, đừng để người ta phá cuộc đấu tranh của chúng ta.

Hãy tỉnh tảo! Đừng mắc mưu khiêu khích !

Kỷ luật và đồng tâm! Chúng ta sẽ thắng”

Mọi người reo lên “Bãi công đi anh em ơi!” và đều bỏ về. Cùng lúc đó, một đoàn công nhân từ tầng 11 Mông Giăng và tầng núi Trọc kéo xuống phố cổ động cho cuộc bãi công. Cả vùng mỏ Cẩm Phả náo động. Chỉ trong vòng 2 giờ, cuộc bãi công đã lan rộng khắp nơi. Công nhân các tầng, lò, xe lửa và một bộ phận công nhàn nhà máy cơ khí đã bỏ việc, tập trung ở đường phổ. Hầu hết các cơ sở sản xuất của mỏ Cẩm Phả ngừng hoạt động.

Chiều ngày 13-11-1936, chủ mỏ cùng với bọn cai, ký bàn cách phá bãi công. Bọn cai ký muốn tâng công với chủ, ngay tối hôm ấy, đã đi xuống các lán ở của công nhân dụ dỗ, đe dọa hòng lôi kéo người đi làm.

Các đội xung kích của công nhân bãi công đã cảnh cáo những tên cai hung hăng phá hoại và tiếp tục giải thích, vận động mọi người xiết chặt hàng ngũ đấu tranh.

Ngày 14-11-1936, chính quyền thực dân điều từ Quảng Yên, Hải Phòng về mỏ 40 xe chở đầy lính lê dương, khố xanh để đàn áp cuộc bãi công.

Thanh tra chính trị Bắc kỳ Đen-xan-lơ (Delsalle), chánh mật thám Bắc kỳ Ác-nu (Arnoux), công sứ QuảngYên Mat-xì-mi (Massimi) lần lượt kéo đến trợ lực cho chủ mỏ. Chúng bí mật ra lệnh cho các cửa hàng, nhất là hàng gạo đóng cửa không bán cho công nhân. Trước âm mưu xảo quyệt ấy, ban lãnh đạo bãi công cử người đi giải thích, vận động các chủ hàng bán gạo. Hiểu rõ việc làm của công nhân, các cửa hàng lần lượt mở, nhiều người còn bán chịu cho công nhân. Bà con ngư dân, nông dân ven thị cũng đem ngô, khoai, sắn, tôm, cá ủng hộ công nhân, bất chấp sự đe dọa của chủ mỏ và bang phố.

Hai giờ chiều ngày 14-11, bộ phận còn lại của nhà máy cơ khí Cẩm Phả cũng tham gia bãi công. Như vậy là một vạn công nhân ở Cẩm Phả toàn bộ các cơ sở sản xuất đều đã đứng trong hàng ngũ đấu tranh.

Cuộc bãi công bước sang ngày thứ 3, thứ 4 càng trở nên quyết liệt. Lính gác khắp các ngả đường cũng không sao ngăn được công nhân bãi công tập trung ở các phố.

Chiều ngày thứ 5 của cuộc bãi công (17-11), bọn chủ mỏ cho dán yết thị công bố quyết định tăng lương lên 26 xu một ngày, hô hào thợ trở lại làm việc và đe dọa sẽ đuổi khỏi mỏ những ai hôm sau không chịu đi làm.

Công nhân vẫn kiên quyết đòi cho được 3 hào một ngày mới đi làm, mặc dù lúc này nhiều gia đình đã bị đói vì tiền hết, gạo khan. Thực hiện khẩu hiệu “chia sẻ gạo ăn”, anh chị em đã tập trung những nắm gạo cuối cùng nấu cháo ăn chung, động viên nhau bền gan,vững chí đấu tranh,

Sáng ngày 18-11, tầng, lò, nhà máy vẫn vắng teo. Đến chiều, chúng cưỡng bức được 12 công nhân lên tầng làm. Lập tức hàng trăm công nhân kéo đến kêu gọi họ đừng phá bãi công. Những người bị cưỡng bức đi làm đã vùi cuốc, xông cùng với mọi người quay trở về phố.

Sáng 19-11, được tin bọn cai gian ác dẫn người lên làm ở tầng 190, hàng trăm công nhân lại kéo lên. Lính và cảnh sát đến bắt một người thợ bãi công đem về đồn khố xanh. Tất cả đoàn bãi công và những người bị ép buộc di làm cùng nhau quay về đồn đòi thả người bị bắt. Bọn lính dùng bảng súng đàn áp công nhân, xô ngã xuống cống làm bị thương ba người. Đoàn người

căm phẫn kéo lên nhà đại lý, hò hét, la ó, đòi phải trả lại tự do cho người bị bắt.

Trước sức mạnh của công nhân, tên đại lý Va-vát-xơ(Vavasseur) buộc lòng phải ra lệnh thả người bị bắt và hứa sẽ can thiệp với chủ mỏ giải quyết yêu sách, hòng xoa dịu sự công phẫn của công nhân. Mọi người càng xiết chặt hàng ngũ đấu tranh, tin tưởng vào thắng lợi. Tinh thần đoàn kết chặt chẽ, ý chí đấu tranh anh dũng, kiên quyết giữ vững yêu sách của công nhân đã làm cho mọi âm mưu thủ đoạn thâm độc của bọn chủ mỏ và chính quyền thực dân thất bại.

Sau 8 ngày kiên trì đấu tranh, đến 3 giờ chiều ngày 20-11-1936, chủ mỏ phải tuyên bố chấp thuận những yêu sách của công nhân. Chủ mỏ phải trả lương 3 hào một ngày, trả nửa tiền quốc, xẻng chịu tiền dầu, mỡ cho vào các xe goòng. Công nhân vắng mặt bất cứ là gì cũng không bị phạt.

Công nhân và nhân dân lao động Cẩm Phả hò reo náo động, đốt pháo ăn

mừng thắng lợi.

Nhận định về cuộc bãi công này, báo Lở Tơ-ra vay(Le Davail) số ra ngày 27-11-1990 đã viết: “Đấu tranh trong bình tĩnh và kỷ luật, đấu tranh với một ý chí không gì lay chuyển nổi của giai cấp vô sản, đấy là đặc tính chủ yếu đã toát ra từ trong cuộc bãi công đáng khâm phục của Cẩm Phả”

Bài báo kết luận.“Lần đầu tiên ở Đông Dương, giai cấp vô sản đã đạt được một thắng lợi rực rỡ. Lần đầu tiên, kỷ luật vô sản đã thắng sự kháng cự của bọn chủ”

Ngày 23-11-1936

Với ý nghĩa to lớn đó, ngày 13-11 được ghi vào lịch sử phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam. Công nhân mỏ đã lấy ngày đấu tranh này làm ngày Hội truyền thống vẻ vang của mình

**TOÀN VÙNG MỎ TỔNG BÃI CÔNG**

Ngày 20-11-1936, cuộc bãi công của công nhân mỏ Cẩm Phả giành được thắng lợi vang dội, đã có vũ phong trào đấu tranh của công nhân trong toàn vùng mỏ. Chỉ hai ngày sau, khắp vùng mỏ đồng loạt nổ ra những cuộc đấu tranh:

Ở Hòn Gai, công nhân chuẩn bị bãi công từ trước và đã được một số cán bộ, đảng viên ở mỏ Cẩm Phả đến trao đổi kinh nghiệm. Ngày 23-11-1936, công nhân Nhà máy chính (nhà máy Cơ khí Hòn Gái ngày nay) ngừng việc, đưa yêu sách:

- Tăng tiền lương lên 25%.

- Nhà chủ cho ở hư hỏng, dột nát, chủ phải xuất tiền chữa.

- Lập nhà thương, phòng phát thuốc cho thợ và cho vợ con thợ được điều trị không mất tiền.

- Bỏ cảnh phạt lương. Trùng trị những kẻ ỷ quyền

hành hạ phu.

-Cho thợ được vào rừng lấy củi đun, hoặc cho than để dùng,

Bọn chủ ngoan cố, không chấp nhận những yêu sách trên. Toàn bộ công nhân Nhà máy chính bỏ xưởng ra về.

Tin công nhân Nhà máy chính nghỉ việc đòi tăng lương nhanh chóng lan đi khắp các cơ sở sản xuất của mỏ Hòn Gai. Toàn bộ công nhân Nhà sàng, Than luyện.

Bến cảng nghỉ việc và nhập vào đoàn người đấu tranh. Một giờ sau, đoàn xe hỏa chở than từ mỏ ra Nhà sàng. Thấy Hòn Gai đã bãi công, anh em lập tức lái xe than quay trở về mỏ mang theo những đại biểu của công nhân Hòn Gai vào Hà Lầm, Hà Tu và nhà máy điện cọc 5 để vận động mọi người tham gia.

Ở nhà máy Điện Cọc 5, bọn chủ điều lính đến gác ở cổng và chung quanh nhà máy, không cho công nhân ra ngoài, hòng ngăn chặn họ đấu tranh. Đoàn đại biểu công nhân Hòn Gai vào đến cổng nhà máy điện bị lính gác cản lại. Bất chấp thái độ hung hăng của bọn lính, đoàn người vẫn tiếp tục tiến lên. Trước khí thế của công nhân, bọn lính phải dãn ra. Đoàn người ùa vào nhà máy. Công nhân nhà máy điện nhất loạt nghỉ việc hưởng ứng đấu tranh, tên chỉ huy đơn vị lính gác hốt hoảng gặp đại biểu công nhân xin một số thợ ở lại chạy máy. Ta chấp thuận vì công nhân cũng cần điện trong sinh hoạt.

Ở Hà Tu, cuộc bãi công đã được chuẩn bị từ trước, ngay tối 22-11 đã có một số đại biểu công nhân Cẩm Phả đến tuyên truyền vận động mọi người tham gia đấu tranh.

Được tin ngoài Hòn Gai đã bãi công, lập tức công nhân mỏ Hà Tu cũng nghỉ việc. Ở Hà Lầm, đến 1 giờ chiều thì tất cả công nhân cũng đều bỏ việc, tập trung kéo về phố, hò reo hưởng ứng bãi công.

Như vậy trong ngày 23-11, toàn bộ hệ thống sản xuất than của khu vực Hòn Gai đều ngừng trệ. Để đối phó với cuộc đấu tranh của công nhân, bọn chủ mỏ vội vã kêu cầu chính quyền thực dân điều hàng trăm lính thợ về lò giếng Hà Tu, trung tâm khai thác than của khu vực Hòn Gai. Nhưng bọn lính thị Pháp, đã lúng túng làm cháy mô tơ, máy không chạy.

Ngày 24-11-1936, tên thống xứ Bắc kỳ Tô lăng-xơ(Tholance), thanh tra chính trị Bắc kỳ Đen-xan-lo(Delsalle), thanh tra mật thám Bắc kỳ Cút-xô (Cousseau)...cùng tuần phủ Quảng Yên Nguyễn Văn Đào và bố chánh Hải Dương Cung Đình Vận ra Hòn Gai hỗ trợ cho chủ mỏ đàn áp bãi công. Chúng cho binh lính, cảnh sát, mật thám tỏa đi các nơi canh gác, lùng sục và khiêu khích ở những nơi đông người. Bọn tay sai chủ mỏ đi từng nhà công nhân, dụ dỗ, mua chuộc, đe dọa, ép buộc họ đi làm. Mặt khác, chúng tung tiền ra vét gạo hòng triệt lương thực của công nhân. Không kết quả, bọn chủ mỏ đành ra yết thị tăng lương 10%. Anh chị em công nhân vẫn cương quyết giữ vững yêu sách đòi cho được 25% mới đi làm.

Sáng 27-1, công nhân Hòn Gai tập trung đông nghịt trước trại lính khố xanh. Ở Hà Tu, Hà Lầm công nhân cũng kéo ra làm thành cuộc biểu dương lực lượng lớn. Binh lính địch đã đàn áp dã man cuộc biểu tình, nhiều người bị thương và bị bắt.

Cùng ngày, địch điều rất nhiều lính từ Kiến An ra Đồng Đăng tập trận nhằm uy hiếp tinh thần công nhân bãi công. Đồng thời chủ mỏ cũng đưa hai chiếc tàu thủy vào bến, loan tin sẵn sàng chở công nhân và gia đình họ ra khỏi vùng mỏ nếu còn tiếp tục đấu tranh.

Mặc dù bị đói rét, bị kẻ thù đàn áp, khủng bố, công nhân không nao núng, vẫn xiết chặt hàng ngũ đấu tranh. Không thể nào dập tắt được phong trào đấu tranh của công nhân, bọn cầm quyền thực dân và bọn chủ mỏ buộc phải nhượng bộ. Chiều ngày 28-11-1936, chủ mỏ phải tuyên bố giải quyết tất cả những yêu sách của thợ, hứa thả 11 người đã bắt từ hôm nổ ra bãi công, chữa chạy những người bị thương và sẽ công bố “bản điều lệ quy định cho thợ thuyền”

Sau 6 ngày đấu tranh quyết liệt, công nhân khu vực mỏ Hòn Gai đã giành được thắng lợi.

Cùng với cuộc đấu tranh của công nhân Hòn Gai, ngày 24-11-1936, công nhân các mỏ Mông Dương, Đồng Đăng, Cải Đá, Kể Bào và Cửa Ông cũng nhất loạt bãi công đòi quyền lợi.

Ở mỏ Mông Dương, tối ngày 26-11, chủ mỏ ra yết thị nhận giải quyết các yêu sách của công nhân. Ở mỏ Đồng Đăng, sau hai ngày đấu tranh của công nhân, chủ mỏ buộc phải nhận lên lương cho họ.

Ở Cửa Ông, cuộc bãi công bắt đầu từ Xưởng cơ khi rồi đến Nhà sàng và Cảng. Tên chủ nhất Cửa Ông ra lệnh bắt đại biểu đưa yêu sách. Công nhân đã phản đối kịch liệt. Bọn chủ phải trả tự do cho người bị bắt và nhận tăng lương cho công nhân.

Ở Uông Bí, Vàng Danh, Mạo Khê, công nhân cũng ráo riết chuẩn bị đấu tranh. Hoảng sợ trước làn sóng bãi công, bọn chủ mỏ vội vã nhượng bộ tăng lương đồng loạt 10% cho toàn thể công nhân.

Cuộc Tổng bãi công trong 20 ngày của 3 vạn công nhân mỏ diễn ra gay go, quyết liệt trên một tuyến dài gần 100 km và kết thúc thắng lợi rất vẻ vang.

Cuộc Tổng bãi công của công nhân toàn vùng mỏ là một trong hai cuộc đấu tranh quan trọng nhất trong Cao trào 1930 - 1939 do Đảng ta lãnh đạo. Thắng lợi của cuộc đấu tranh đó đã có tiếng vang và ảnh hưởng lớn đến phong trào đấu tranh của công nhân toàn quốc, tô thắm truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của vùng mỏ.

+ Cuộc khủng hoảng kinh tế mới của chủ nghĩa tư bản (1936 - 1937) tác động vào khu mỏ Quảng Ninh, càng làm đảo lộn hơn nữa tình trạng xã hội ở khu mỏ vốn đã mục nát và rối loạn. Hậu quả của nó làm cho đời sống người lao động vốn đã điêu đứng lại càng thêm điêu đứng, quẫn bách.

NĂM 1937

**CHI BỘ ĐẢNG UÔNG BÍ — VÀNG DANH**

**ĐƯỢC PHỤC HỒI**

Thắng lợi của cuộc Tổng bãi công tháng 11-1936 của công nhân mỏ đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phục hồi, xây dựng các cơ sở Đảng trong vùng mỏ.

Đầu năm 1937, ở Uông Bí một số đảng viên ra tù đã xây dựng lại chi bộ Đảng, đồng chí Nguyễn Huy Sán(tức Thảo) làm bí thư,

Được sự chỉ đạo trực tiếp của các đồng chí trong Xứ ủy Bắc kỳ: Tô Hiệu, Lương Khánh Thiện, Lê Thanh Nghị, Hoàng Văn Nọn, nên chi bộ Uông Bí – Vàng Danh đã hoạt động mạnh trong những năm 1937 –1939. Đảng viên có ở hầu hết các cơ sở sản xuất của mỏ, số lượng lên tới trên 10 đồng chí.

Chi bộ đã lập các tô Ái hữu, vận động công nhân góp tiền giúp đỡ nhau trong đời sống, mua và đọc sách báo của Đảng. Tiến lên một bước, chi bộ vận động công nhân bãi công, đòi chủ mỏ phải cải thiện dân sinh, dân chủ.

Tháng 2-1937

**CÔNG NHÂN MỎ ĐẤU TRANH ĐÒI PHÁI ĐOÀN**

**GIÚYT-XTANH GÔ ĐA PHẢI ĐẾN ĐIỀU TRA**

**TÌNH HÌNH**

Trước phong trào đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân ta và nhân dân Pháp, chính phủ Pháp phải cử phái viên là Giuyt-xtanh Gô-đa sang Đông Dương để điều tra tình hình.

Bọn thực dân chủ mỏ tìm mọi cách ngăn cản không cho phái đoàn tiếp xúc với công nhân. Ở nhiều nơi, công nhân mỏ đấu tranh đòi nhà cầm quyền phải để Gô-đa đến kiểm tra tình hình. Đầu tháng 2-1937, Gô-đa đã đến Hòn Gai, Cẩm Phả, Uông Bí, Vàng Danh tìm hiểu tình hình đời sống, điều kiện làm việc của công nhân. Qua cuộc điều tra này, chủ mỏ buộc phải làm thêm nhà ở, hố xí và tu sửa đường xá nơi công nhân đi làm.

Nhân dịp đấu tranh đòi Giủyt-xtanh Gô-đa đến kiểm tra tình hình đời sống thợ thuyền, công nhân mỏ đã biểu dương được lực lượng của mình, tạo dần thế và lực cho những cuộc đấu tranh sau này.

Ngày 22-9-1937

**BÃI CÔNG CỦA HÀNG VẠN CÔNG NHÂN MỎ**

**VÀNG DANH**

Đời sống và điều kiện làm việc của công nhân mỏ Vàng Danh khổ cực hơn so với nhiều mỏ khác. Tiền lương qúa thấp trong khi giá sinh hoạt ngày một cao.

Bọn chủ mỏ đã lưu lương của công nhân 7 tháng. Trước tình hình ấy, công nhân mỏ Vàng Danh đã nhất loạt bãi công đòi:

-Trả lương ngay để đảm bảo đời sống.

- Bỏ lệ 3 tháng trả lương một lần.

- Không được ép phu mỏ phải dùng “bông” của các hiệu thầu bán thực phẩm giá cao gấp 2, 3 lần.

Cuộc đấu tranh này đã thu hút được gia đình công nhân và nhân dân xung quanh mỏ Vàng Danh tham gia.

Qua 4 ngày đấu tranh, bọn chủ mỏ đã buộc phải trả lương cho công nhân. Để ngăn chặn những cuộc đấu tranh có thể nổ ra sau này, chúng bắt một số người nghi là lãnh đạo phong trào.

+ Sự phục hồi và hoạt động của Đảng ở khu vực mỏ Quảng Ninh tạo nên ý thức giác ngộ chính trị trước tình thế mới trong công nhân mỏ là nguyên nhân quyết định đưa cuộc đấu tranh bùng nổ đúng lúc, đúng hướng. Phong trào đấu tranh của công nhân mỏ Quảng Ninh không thể có được nếu thiếu đi sự phục hồi và hoạt động của Đảng.

Khủng hoảng kinh tế kéo dài nhiều năm ở tất cả các mặt dẫn tới sự tiêu điều của cả đất nước. Các nước tư bản nội bộ lục đục và sục sôi nảy sinh nhiều ý đồ xấu để giúp kinh tế phục hồi và phát triển hơn.

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 đến 1933 khiến mâu thuẫn giữa giai cấp tư bản và vô sản, giữa người nông dân và địa chủ cực kỳ gay gắt. Vì thế đã dẫn tới cao trào cách mạng, bọn tư bản đàn áp khốc liệt nên người dân kịch liệt chống đối. Các cuộc bạo loạn xảy ra khắp nơi.

Đồng thời, khủng hoảng kinh tế cũng làm cho mâu thuẫn giữa các nước đế quốc căng thẳng về nhằm nhò tài nguyên, đất đai và tài sản của nhau. Các nước đế quốc tích cực đẩy mạnh chuẩn bị chiến tranh chia lại thế giới. Đây là ngòi nổ châm bùng lên ngọn lửa chiến tranh thế giới thứ hai.

Trong bối cảnh đó, Anh, Pháp tích thực hiện cải cách kinh tế, xã hội. Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản tiến hành phát xít hóa chế độ cai trị và phát động chiến tranh.

Nước Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề vì bọn thực dân tăng cường bóc lột nhân dân, tăng sưu thuế, cướp bóc, chèn áp khiến kinh tế trở nên kiệt quệ. Pháp rút vốn đầu tư ở Đông Dương về nên sản xuất ở Việt Nam đình trệ, ruộng đất bỏ hoang. Đời sống nhân dân lâm vào cảnh khốn cảnh.

**\* Truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong bản sắc văn hóa người thợ Mỏ, người dân Đất Mỏ**

Nói đến sự phát triển của Quảng Ninh không thể không nói đến ngành Than và ngược lại. Trong quá trình xây dựng và phát triển, Quảng Ninh và ngành Than luôn gắn bó mật thiết, máu thịt “tuy hai mà một, tuy một mà hai”. Chiếm đến 95% trữ lượng Than của cả nước, đất Quảng Ninh được cấu thành chủ yếu từ than. Than gắn với Đất, gắn với Người Quảng Ninh, vì có than mà đất Quảng Ninh được gọi là “Đất Mỏ”; trước đây ngày 12/11 hằng năm còn được gọi là ngày “Miền mỏ bất khuất” in sâu trong trái tim và khối óc của biết bao người con đất Mỏ; truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong bản sắc văn hóa người thợ Mỏ, cũng là của người dân Đất Mỏ. Truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” **đã tạo nên sức mạnh nội sinh cho sự phát triển tỉnh Quảng Ninh:**

Vùng mỏ Quảng Ninh là một trong những cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, truyền thống cách mạng vẻ vang “Kỷ luật và Đồng tâm” được hun đúc lên từ những ngày sục sôi khí thế cách mạng của cuộc Tổng bãi công của hơn ba vạn thợ mỏ ngày 12/11/1936 với tất cả sức mạnh, ý chí quật cường, tinh thần bất khuất, kiên cường của giai cấp công nhân, người lao động; đồng thời, đã để lại những bài học thực tiễn mang tầm lý luận về phương thức tập hợp lực lượng, tính kỷ luật, ý chí sắt đá, bền gan trong đấu tranh, sự gắn kết, đùm bọc tương thân, tương ái của những người cùng cảnh ngộ, cùng nghề nghiệp, cùng giai cấp của công nhân Mỏ, rộng hơn là toàn thể lực lượng cách mạng.

Đánh giá về cuộc bãi công của công nhân mỏ Cẩm Phả, báo Le Travail(Lao động), tờ báo công khai của Đảng ta ra ngày 27/11/1936 đã viết: “Cuộc đấu tranh trong bình tĩnh và kỷ luật, đấu tranh với một ý chí không gì lay chuyển nổi của giai cấp vô sản. Đây là đặc trưng chủ yếu đã toát ra từ trong cuộc bãi công đáng khâm phục của công nhân mỏ Cẩm Phả”

Trải qua các giai đoạn lịch sử, quá trình xây dựng, phát triển của tỉnh Quảng Ninh và ngành Than, tinh thần cách mạng 12/11/1936 và truyền thống *“Kỷ luật và Đồng tâm”* luôn được các thế hệ cán bộ, công nhân Mỏ, ngành than; cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh trân trọng gìn giữ, phát huy, làm giàu thêm với những hành động thiết thực, viết nên những trang sử vẻ vang, hào hùng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng quê hương, đất nước, trở thành tài sản tinh thần vô giá của tỉnh Quảng Ninh và của ngành Than.

Trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Ninh, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước; sự phối hợp, giúp đỡ của các ban, bộ, ngành Trung ương; Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc trong tỉnh không ngừng nỗ lực, đoàn kết, sáng tạo, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, dấu ấn nổi bật trên các lĩnh vực; tạo bước phát triển bứt phá, đưa Quảng Ninh từ một địa phương nằm trong tình trạng yếu kém, chủ yếu dựa vào sự hỗ trợ của Trung ương trở thành một trong những Tỉnh năng động, sáng tạo, đi đầu cả nước trên nhiều lĩnh vực, trở thành trung tâm đổi mới của Vùng đồng bằng Bắc Bộ, là cực tăng trưởng toàn diện của phía Bắc; nhất là sau 35 năm đổi mới, 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV nhiệm kỳ 2015 - 2020. Trong 02 năm vừa qua, dù chịu tác động tiêu cực, nghiêm trọng chưa từng có của đại dịch COVID-19 gây ra, song tỉnh Quảng Ninh vẫn kiên cường giữ vững địa bàn “An toàn - Ổn định - Phát triển trong trạng thái bình thường mới”, trở thành điểm sáng của cả nước về phòng, chống, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 và thực hiện “mục tiêu kép” với tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2020 đạt 10,05% và năm 2021 ước đạt trên 10%, đưa Quảng Ninh trở thành tỉnh công nghiệp, dịch vụ, nằm trong nhóm các địa phương liên tục trong 6 năm liền có tốc độ tăng trưởng và có số thu ngân sách cao nhất cả nước.

Đảng bộ Than Quảng Ninh với gần 19.000 đảng viên sinh hoạt tại 40 đảng bộ cơ sở, chiếm gần 20% tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh có vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng đối với Đảng bộ tỉnh; cứ gần 05 người công nhân làm việc tại Quảng Ninh có 01 người là Đảng viên thuộc Đảng bộ Than Quảng Ninh. Con số nêu trên không mang ý nghĩa đơn thuần về mặt lượng, mà quan trọng hơn là mặt chất được cấu tạo nên bởi vai trò nòng cốt của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên vùng Mỏ, dựa trên giá trị truyền thống riêng có. Đây là nền tảng quan trọng để Đảng bộ tỉnh không ngừng tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng - một trong những yêu cầu nhiệm vụ quan trọng đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị ở mọi thời kỳ cách mạng...  
 Những năm qua, quá trình chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”, tỉnh Quảng Ninh đã trở thành tỉnh có cơ cấu dịch vụ - công nghiệp; đóng góp của ngành Than vào tăng trưởng của tỉnh Quảng Ninh có xu hướng giảm dần từ 35% trong cơ cấu GRDP năm 2010 xuống 21,3% (năm 2015), và 19,1% năm 2020 - điều này nằm trong xu thế chung của chuyển đổi mô hình tăng trưởng của đất nước trong thời kỳ mới. Ngành Than đã chủ động và tích cực tham dự vào quá trình chuyển đổi này, tiếp tục giữ một vị trí, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh trật tự, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Đến nay, ngành Than đóng góp khoảng 1/4 GRDP và gần 40% ngân sách thu nội địa của Tỉnh; tạo ra việc làm thường xuyên cho khoảng 100 ngàn lao động; tác động trực tiếp đến gần 1/3 dân số và gắn bó sâu sắc đến mọi mặt đời sống xã hội của tỉnh. Đặc biệt, trong bối cảnh ngành dịch vụ, du lịch - ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh, ngành Than đã trụ vững, khẳng định vai trò trụ cột của ngành công nghiệp đối với sự ổn định, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước

Ngày nay, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trở thành một trong những Tập đoàn chủ lực, trụ cột vững chắc bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia; là một trong những lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh phát triển sản xuất kinh doanh, Tập đoàn rất tích cực tham gia hiệu quả công tác an sinh xã hội, xoá đói giảm nghèo và nhiều hoạt động văn hoá, xã hội khác…

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra mục tiêu đến năm 2025, Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc, giữ đà tăng trưởng hằng năm trên 10%, GRDP bình quân đầu người đạt trên 10.000 USD. Tầm nhìn định hướng đến năm 2030 là xây dựng, phát triển Quảng Ninh là tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại; là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; GRDP bình quân đầu người trên 15.000 USD; khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc về quốc phòng, an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế.

**Phát huy bản sắc văn hóa công nhân mỏ trong thời kỳ mới**

Theo đó, trong thời gian tới, ngành Than sẽ xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh 4 làng mỏ tiêu biểu. Tại các làng mỏ, phố mỏ, người thợ sẽ được bố trí nhà ở với đầy đủ tiện nghi như: Ti vi, tủ lạnh, máy giặt, được ăn tự chọn, được tổ chức sinh nhật, tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, thăm hỏi giúp đỡ khi khó khăn hoạn nạn, được hỗ trợ xây mới và sửa chữa nhà ở.

Trên thực tế, từ thời Pháp thuộc, Vùng mỏ đã có rất nhiều người từ các tỉnh khác đến làm phu, rồi họ ở lại sinh cơ lập nghiệp. Từ Đông Triều qua Uông Bí, Hoành Bồ (cũ), Hạ Long đến Cẩm Phả, các mỏ than nối tiếp nhau tạo ra sự quần tụ công nhân mỏ với nhau, hình thành những xóm thợ hay làng mỏ, như: Làng mỏ Cao Sơn, Mông Dương, xóm thợ Mạo Khê, Hà Lầm.v.v..

Từ những năm đầu của thập kỷ 90 ở thế kỷ trước, người ta đã nhắc nhiều đến làng mỏ Cao Sơn. Năm 1986, lãnh đạo và thợ mỏ Cao Sơn đã thống nhất lấn biển xây dựng làng mỏ Cao Sơn. Giờ đây, làng mỏ Cao Sơn đã thành 3 khu dân cư, với gần một nghìn gia đình, chiếm khoảng 1/5 dân số phường Cẩm Sơn (TP Cẩm Phả).

Không chỉ Than Cao Sơn, những năm gần đây, các đơn vị ngành Than, như: Than Dương Huy, Than Quang Hanh, Than Hạ Long, Than Nam Mẫu, Than Vàng Danh, Than Mạo Khê... đã đầu tư xây dựng những khu chung cư dành riêng cho công nhân rất khang trang.

Không chỉ đồng tâm trong lao động sản xuất, những người thợ mỏ còn đoàn kết, đồng lòng trong sinh hoạt thường nhật. Với đặc thù công việc nặng nhọc, vất vả, có phần nguy hiểm của những người thợ mỏ đã hình thành nên truyền thống văn hoá thợ mỏ với bản sắc rất riêng, mang những nét đặc trưng không thể trộn lẫn.

Đó là tinh thần đoàn kết, kiên cường, tiên phong cách mạng; cần cù, chịu khó, bản lĩnh vững vàng, không lùi bước trước khó khăn; tinh thần chủ động, đổi mới sáng tạo, ý thức tổ chức kỷ luật cao, gương mẫu kỷ cương; luôn lạc quan, yêu đời, có đời sống văn hóa tinh thần phong phú; sống nhân ái nghĩa tình với đồng nghiệp và trách nhiệm cao với xã hội…

Và trong đó, giá trị cốt lõi của truyền thống văn hoá thợ mỏ là tinh thần “Kỷ luật và Đồng tâm”. Văn hóa thợ mỏ giờ đây đã lan tỏa đến hầu khắp các tỉnh, thành trên dải đất hình chữ S của đất nước và góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Ngành khai thác than và người thợ mỏ đã tạo ra những dấu ấn riêng ở một vùng tài nguyên rộng lớn, làm nên một vùng văn hoá mới - văn hoá Vùng mỏ. Ở phạm vi nhỏ hơn, mỗi mỏ than lại có nét văn hóa riêng. Về vùng than Đông Triều, sẽ gặp môi trường văn hoá ở Công ty Than Mạo Khê với nhiều dấu ấn văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc. Về vùng Than Uông Bí, sẽ gặp môi trường của Công ty Than Vàng Danh với một mô hình mang dấu ấn tươi mới.

Về vùng than Hòn Gai sẽ gặp được các công ty lớn, nhỏ thân thiện với môi trường. Công ty Than Hà Lầm với bức tranh sáng rỡ về việc chăm lo đời sống công nhân mỏ; Công ty Than Núi Béo trẻ, năng động với nhiều hoạt động tiêu biểu về văn hoá, thể thao và môi trường kinh doanh... Hay như đến vùng than Cẩm Phả, làng mỏ Cao Sơn là một địa danh có niềm tự hào riêng của Vùng mỏ.

Phát huy truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm”, Tập đoàn đang tiếp tục thực hiện trí thức hóa đội ngũ công nhân, tăng cường sự phấn đấu để trung thành với nghề, với ngành gắn với thực hiện hiệu quả việc học tập và làm theo Bác. Từ năm 2020, ngành Than - Khoáng sản Việt Nam đã phát động và nhân rộng phong trào xây dựng hình ảnh “Người thợ mỏ - Người chiến sĩ” trong thời đại mới. Phong trào này được xem là điểm nhấn, là dấu ấn của ngành Than nói riêng và Quảng Ninh nói chung trong chiến lược xây dựng và nâng tầm vị thế của người thợ mỏ ngành Than trong thời đại mới. Đến nay, toàn ngành đã xây dựng và vinh danh được trên 4.000 tấm gương “Người thợ mỏ - Người chiến sĩ”.

Thợ mỏ ngành Than đã biến truyền thống “Kỷ luật - đồng tâm” thành sức mạnh nội tại vượt qua những cam go, thách thức để phát triển. Đó là những giai đoạn sản xuất đình đốn, than tồn kho tăng cao, thiên tai, lũ lụt thiệt hại sản xuất hàng nghìn tỷ đồng; là những giai đoạn toàn Tập đoàn quyết liệt thực hiện tái cơ cấu, tinh giản lao động.

Đặc biệt, giai đoạn 2 năm 2020 và 2021 là minh chứng rõ nét hơn nữa cho tinh thần đoàn kết và truyền thống “Kỷ luật - Đồng tâm” của người thợ mỏ. Trong bối cảnh đại dịch Covid -19 liên tiếp bùng phát, TKV đã chủ động và linh hoạt thích ứng, nỗ lực, sáng tạo vượt lên khó khăn để hoàn thành tốt “nhiệm vụ kép” theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ: Chống dịch đi đôi với phát triển kinh tế. TKV là một trong số rất ít các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước có tốc độ tăng trưởng cao so với cùng kỳ.

9 tháng đầu năm 2021, tốc độ tăng trưởng bình quân của TKV đạt từ 5 - 8%. Trong đó, than sạch sản xuất: 30,4 triệu tấn, tăng 4%. Sản xuất đồng tấm: 10,5 ngàn tấn, tăng 7%, tiêu thụ đồng tấm: 10,5 ngàn tấn, tăng 23% so cùng kỳ năm 2020. Doanh thu ước đạt 96,1 ngàn tỷ đồng; lợi nhuận ước đạt 2 ngàn tỷ đồng; nộp ngân sách đạt 13,2 ngàn tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước. TKV đã ủng hộ 230 tỷ đồng cho Quỹ vắc xin phòng, chống Covid-19 của Chính phủ và ủng hộ công tác phòng, chống dịch bệnh của các địa phương.

Với Quảng Ninh, ngành Than là ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh. Cán bộ, công nhân, người lao động ngành Than là máu thịt của tỉnh Quảng Ninh. Văn hóa công nhân mỏ kết tinh từ truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm” cũng chính là một trong những thành tố hợp thành văn hóa của vùng Mỏ.

Mối quan hệ tương hỗ, chặt chẽ của Quảng Ninh và ngành Than xuất phát từ những yêu cầu thiết thực từ cả hai phía. Về phía Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - đó là yêu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống công nhân. Đối với tỉnh Quảng Ninh - đó là yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao vai trò lãnh đạo, quản lý của cấp ủy, chính quyền đối với lĩnh vực tài nguyên, môi trường, phục vụ mục tiêu phát triển chung của tỉnh. Từ đó, tỉnh Quảng Ninh luôn xác định ngành Than là đối tác chiến lược, đóng góp lớn cho tỉnh về ngân sách, giải quyết việc làm và các vấn đề xã hội.

Từ quan điểm, nhận thức trên, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và tỉnh Quảng Ninh đã chung sức thực hiện tốt chương trình, nhiệm vụ công tác chung, thông qua đó giải quyết được nhiều vấn đề trong quản lý tài nguyên than; bảo vệ môi trường; giải quyết việc làm và chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho công nhân mỏ; đảm bảo công tác an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới... Có thể nói là thành tựu về mọi mặt của tỉnh Quảng Ninh trong những năm qua luôn có vai trò đóng góp quan trọng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Và ngược lại, tỉnh Quảng Ninh luôn đồng hành cao nhất, hỗ trợ tối đa giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh của ngành Than, để TKV phát triển bền vững, vừa đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và quan trọng nhất là ổn định việc làm, thu nhập và bảo đảm đời sống lao động cho trên 80.000 lao động trên địa bàn. Đồng hành cùng ngành Than vượt qua những giai đoạn khó khăn, tỉnh Quảng Ninh đã có nhiều cơ chế tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, quan trọng nhất là giải quyết kịp thời các thủ tục gia hạn giấy phép khai thác; các sở, ngành liên quan đẩy nhanh thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho TKV.

Tỉnh Quảng Ninh cũng luôn ủng hộ, đồng thuận và mong muốn Chính phủ, các bộ, ngành trung ương tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho ngành Than để phát triển sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu than và đóng góp vào ngân sách Nhà nước; quan tâm, có cơ chế cụ thể để ngành Than xây dựng nhà ở cho người lao động theo hướng hình thành các “làng mỏ”, giúp cho gia đình mỗi người thợ mỏ dù ở miền quê nào cũng an tâm gắn bó với vùng mỏ Quảng Ninh. Cùng với đó, ủng hộ TKV khai thác, sử dụng hợp lý nguồn đất đá thải mỏ để làm vật liệu san lấp mặt bằng các dự án, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo mô hình kinh tế tuần hoàn, vừa giảm thiểu diện tích bãi thải mỏ, hạn chế các tác động tới môi trường, đảm bảo cảnh quan khu vực, tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản.

Trải qua 87 năm, truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm” được đúc kết từ ý chí kiên cường, triệt để cách mạng của công nhân vùng Mỏ Quảng Ninh đã phát triển thành giá trị nhân văn cao cả của ý chí và tình người ngành Than - Khoáng sản Việt Nam với Tổ quốc - giá trị tột đỉnh của văn hóa vùng Mỏ. Truyền thống và văn hóa này sẽ giúp ngành Than và tỉnh Quảng Ninh vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Trong giai đoạn tới, những khó khăn, thách thức của sự suy thoái kinh tế và khủng hoảng năng lượng thế giới; của điều kiện khai thác ngày càng xuống sâu và đi xa hơn; đòi hỏi đội ngũ công nhân mỏ giàu truyền thống cần có sự bứt phá mạnh mẽ để vượt lên chính mình, nâng cao năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Với điểm tựa là truyền thống cách mạng hào hùng, với sức mạnh “Kỷ luật và đồng tâm”, thợ mỏ ngành Than - Khoáng sản sẽ tiếp tục gương mẫu, tiến lên, xứng đáng là một trụ cột vững chắc về an ninh năng lượng quốc gia. Văn hóa người vùng Than sẽ ngày càng lan tỏa, là sức mạnh nội sinh để TKV và Quảng Ninh vững bước trên hành trình phát triển bền vững.

Với những nỗ lực không ngừng, TKV đón nhận bằng công nhận Di tích cấp tỉnh “Trụ sở Công ty Pháp mỏ than Bắc Kỳ” của UBND tỉnh Quảng Ninh. Nhiều tập thể, cán bộ, công nhân TKV đã được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba; tặng cờ, bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. UBND tỉnh Quảng Ninh tặng Bằng khen cho các tập thể có thành tích phòng, chống dịch và sản xuất, kinh doanh. TKV khen thưởng mục tiêu thi đua, năng suất kỷ lục, chăm lo đời sống người lao động cho các đơn vị.